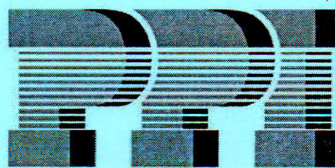


ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0303414496 do Sở KHĐT TP. HCM cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2004 và cấp mới lần thứ 18 ngày 31/12/2014)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 85/accn-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 6 năm 2015)

BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG

- Địa chỉ: 31/21 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Tp.HCM.
- Điện thoại: (84.8) 37 269 701 – Fax: (84.8) 37 269 872

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (HSC)

- Địa chỉ: Tầng 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, Tp. HCM
- Điện thoại: (08) 38233299 – Fax: (08) 38233301

Từ ngày:

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Họ và tên: **ông Đặng Văn Phúc**
- Chức vụ: Phó Tổng giám đốc.
- Điện thoại cơ quan: (84.8) 37 269 701 – Fax: (84.8) 37 269 872

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0303414496 do Sở KHĐT TP. HCM cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2004 và thay đổi lần thứ 18 ngày 31/12/2014)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương.
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông.
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu.
Giá bán:	Không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu.
Tổng số lượng chào bán:	25.049.052 cổ phiếu.
Tổng giá trị chào bán:	250.490.520.000 đồng.

Trong đó:

Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu

Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 20.039.242 cổ phiếu.

Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền.

Tỷ lệ phát hành: 10:8 (tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu, cổ đông nắm giữ 10 cổ phiếu sẽ được quyền mua 08 cổ phiếu phát hành thêm).

Phát hành cổ phiếu tạm ứng cổ tức

Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 2.504.905 cổ phiếu.

Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền.

Tỷ lệ phát hành: 10:1 (tại ngày chốt danh sách thực hiện việc phát hành, cổ đông nắm giữ 10 cổ phiếu sẽ được nhận 01 cổ phiếu).

Tặng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (cổ phiếu thưởng)

Số lượng cổ phiếu thưởng dự kiến phát hành: 2.504.905 cổ phiếu.

Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền.

Tỷ lệ phát hành: 10:1 (tại ngày chốt danh sách thực hiện việc phát hành, cổ đông nắm giữ 10 cổ phiếu sẽ được nhận 01 cổ phiếu thưởng).

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI – CPA HÀ NỘI

- Địa chỉ: 296 Phan Xích Long, Phường 02, Quận Phú Nhuận, TP. HCM.
- Điện thoại: (848) 3517.1936 Fax: (848) 3517.1935.
- Website: www.cpahanoi.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (HSC)

- Địa chỉ: Tầng 5&6, Tòa nhà AB, Số 76 Lê Lai, Quận 1, Tp. HCM.
- Điện thoại: (08) 38233299 Fax: (08) 38233301.
- Website: www.hsc.com.vn Email: info@hsc.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO:	5
1. Rủi ro về kinh tế:	5
2. Rủi ro về luật pháp:	6
3. Rủi ro đặc thù (ngành, Công ty, lĩnh vực hoạt động):	7
4. Rủi ro của đợt chào bán, của phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán:	8
5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu:	9
6. Rủi ro khác:	10
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH:	12
1. Tổ chức phát hành:	12
2. Tổ chức tư vấn:	12
III. CÁC KHÁI NIỆM:	13
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:	15
2. Cơ cấu tổ chức Công ty và Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:	16
2.1. Đại hội đồng cổ đông:	18
2.2. Hội đồng quản trị:	18
2.3. Ban Kiểm soát:	18
2.4. Ban Tổng Giám đốc:	18
2.5. Các phòng ban nghiệp vụ:	18
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn Cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ Cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông:	25
3.1. Cơ cấu cổ đông của Công ty (tại thời điểm ngày 31/12/2014):	25
3.2. Cổ đông sáng lập và tỷ lệ Cổ phần nắm giữ:	25
3.3. Cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phần:	26
4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc Cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc Cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:	26
4.1. Danh sách Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và Cổ phần chi phối của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương:	26
4.2. Danh sách các Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương:	26
4.3. Các công ty liên doanh – liên kết:	27
4.4. Chi nhánh và Văn phòng đại diện	28
5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty:	29
5.1. Lần 1 (năm 2007): Tăng vốn từ 15 tỷ đồng lên 25 tỷ đồng thông qua việc phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu và đối tác chiến lược.	29
5.2. Lần 2 (năm 2007): Tăng vốn từ 25 tỷ đồng lên 60 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu, phát hành riêng lẻ cho cán bộ công nhân viên và cho đối tác chiến lược.	30
5.3. Lần 3 (năm 2007): Tăng vốn từ 60 tỷ đồng lên 90 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu, phát hành riêng lẻ cho cán bộ công nhân viên và cho đối tác chiến lược.	31
5.4. Lần 4 (năm 2008): Tăng vốn từ 90.000.000.000 đồng lên 100.147.530.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu, phát hành riêng lẻ cho cán bộ công nhân viên.	31
5.5. Lần 5 (năm 2010): Tăng vốn từ 100.147.530.000 đồng lên 121.830.000.000 đồng đợt 1 theo quyết định số 668/UBCK-GCN ngày 13/9/2010.	32

5.6.	Lần 6 (năm 2011): Tăng vốn từ 121.830.000.000 đồng lên 122.167.330.000 đồng đợt 2 theo quyết định số 668.	33
5.7.	Lần 7 (năm 2012): Tăng vốn từ 122.167.330.000 đồng lên 140.490.530.000 bằng việc trả cổ tức bằng cổ phiếu.	33
5.8.	Lần 8 (năm 2014): Tăng vốn từ 140.490.530.000 đồng lên 250.490.530.000 đồng thông qua việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược	34
6.	Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:.....	34
6.1.	Tổng quan về hoạt động kinh doanh của Công ty:	34
6.2.	Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm	37
6.3.	Giá vốn hàng bán so với doanh thu thuần	38
6.4.	Lợi nhuận gộp	39
6.5.	Nguyên vật liệu	39
6.6.	Chi phí sản xuất:.....	41
6.7.	Trình độ công nghệ:	42
6.8.	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm:.....	43
6.9.	Hoạt động Marketing:	43
6.10.	Nhãn hiệu thương mại:	44
6.11.	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết:.....	44
7.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:.....	45
7.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và quý 1/2015:	45
7.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo:	45
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:	46
8.1.	Vị thế của Công ty trong ngành:	46
8.2.	Triển vọng phát triển của ngành:	46
8.3.	Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.....	47
9.	Chính sách đối với người lao động:.....	48
9.1.	Số lượng người lao động trong Công ty:.....	48
9.2.	Chính sách đối với người lao động:.....	48
9.3.	Chính sách đào tạo:.....	49
10.	Chính sách cổ tức:.....	49
11.	Tình hình hoạt động tài chính:	50
11.1.	Các chỉ tiêu cơ bản:.....	50
11.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:.....	52
12.	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:.....	53
12.1.	Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:	53
12.1.	Danh sách Ban Kiểm soát:	60
12.2.	Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng:	64
13.	Tài sản:	70
13.1.	Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31/3/2015 (đvt: triệu đồng).....	70
13.2.	Thông tin tài sản là nhà cửa kiến trúc	70
14.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức:	71
14.1.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2015 – 2016:	71
14.2.	Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên	71
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:	74
16.	Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức	74
17.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành (thông tin về Trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất ..):.....	74

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán:	74
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN:	75
1. Các văn bản pháp lý liên quan đến đợt chào bán	75
2. Loại cổ phiếu:	75
3. Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành chào bán cho cổ đông hiện hữu:	75
4. Tỷ lệ phân bổ quyền:	75
5. Tổng số tiền tối thiểu dự kiến thu được:	75
6. Đối tượng chào bán:	75
7. Mệnh giá:	75
8. Giá chào bán dự kiến:	75
9. Phương pháp tính giá:	75
10. Phát hành cổ phiếu tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu năm 2014 cho cổ đông hiện hữu với số lượng:	75
11. Tỷ lệ phân bổ quyền	76
12. Phát hành cổ phiếu tăng vốn cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu (cổ phiếu thưởng) với số lượng:	76
13. Tỷ lệ phân bổ quyền:	76
14. Phương thức phân phối:	76
15. Thời gian phân phối cổ phiếu:	77
16. Đăng ký mua cổ phiếu:	78
17. Phương thức thực hiện quyền:	78
18. Phương án xử lý khi không thu đủ số tiền như dự kiến:	78
19. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:	79
20. Các hạn chế liên quan đến đợt phát hành:	79
21. Các loại thuế có liên quan:	79
22. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:	80
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN:	81
1. Mục đích chào bán:	81
2.1. Đầu tư máy móc thiết bị.	81
2.2. Dự án đường Cao tốc Bến Lức - Long Thành.	82
2.3. Dự án PPI Tower	83
2.4. Dự án BT Đường Thủ Thừa – Bình Thành – Hòa Khánh.	84
2.5. Dự án khôi phục cải tạo Quốc lộ 20 – Lâm Đồng	84
2.6. Dự án BOT nâng cấp cải tạo Quốc lộ 62 – Long An	85
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN:	86
1. Phương án sử dụng vốn từ phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu:	86
2. Phương án xử lý trường hợp không huy động đủ số tiền tối thiểu:	86
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN:	88
1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:	88
2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:	88
3. TỔ CHỨC TƯ VẤN:	88
4. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH:	88
IX. PHỤ LỤC:	90

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO:

Nhằm mục đích đảm bảo tính minh bạch, công khai và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nhà đầu tư, chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư tham khảo trước phần này để có những đánh giá và quyết định phù hợp trong việc tham gia đầu tư của mình đối với cổ phiếu niêm yết của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương.

1. Rủi ro về kinh tế:

Rủi ro kinh tế là những biến đổi của nền kinh tế và sự thay đổi của các chính sách kinh tế tác động vào hoạt động của doanh nghiệp.

Trong quá trình hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, Việt Nam đã được gia nhập WTO, các nhà đầu tư nước ngoài với khả năng tài chính dồi dào, công nghệ cao, kinh nghiệm hoạt động lâu năm sẽ thâm nhập dễ dàng hơn vào thị trường Việt Nam và cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước. Nền kinh tế Việt Nam sẽ nhạy cảm hơn bởi các yếu tố của kinh tế thế giới, nhất là sự biến động của giá dầu thô và giá vàng. Các cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính ở mức độ khu vực và thế giới khi xảy ra sẽ tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế Việt Nam. Các thách thức của hội nhập kinh tế sẽ là những yếu tố biến động khó lường, sẽ có tác động lớn đến tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam, có thể làm tăng mức độ rủi ro đối với hoạt động của các doanh nghiệp.

Trong những năm qua, nền kinh tế Việt Nam đã đạt những tiến bộ vượt bậc, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình trong các năm từ 2002 – 2007 là 7,8%. Đặc biệt trong năm 2007, tăng trưởng GDP của Việt Nam lên tới 8,48%, mức tăng trưởng cao nhất trong vòng một thập kỷ qua. Với thu nhập bình quân đầu người gia tăng, người dân đã nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, do đó nhu cầu mua nhà cũng tăng lên đáng kể. Bên cạnh đấy, Việt Nam ngày càng nâng cao vị thế của mình trên trường quốc tế. Năm 2007, là năm đánh dấu mốc son Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), điều này chứng tỏ nền kinh tế Việt Nam đã từng bước hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới.

Tuy nhiên, cùng với những lợi ích từ việc hội nhập với nền kinh tế thế giới, Việt Nam cũng đang phải đối mặt với những thách thức và khó khăn trong quá trình hội nhập, điển hình là cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới bùng phát từ Mỹ. Tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam năm 2008 lên đến 19,89%, trong khi tốc độ tăng trưởng GDP 2008 đã có dấu hiệu suy giảm chỉ đạt mức 6,23% so với mức 8,48% năm 2007. Chỉ tiêu này cho năm 2009 là 5,32%, năm 2010 là 6,78%, năm 2011 là 5,89%, năm 2012 là 5,03% và GDP năm 2013 tăng 5,03% so với năm 2012.

Theo Tổng cục thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2014 ước tính tăng 5,98% so với năm 2013, trong đó quý I tăng 5,06%; quý II tăng 5,34%; quý III tăng 6,07%; quý IV tăng 6,96%. Trong mức tăng 5,98% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,49%, cao hơn mức 2,64% của năm 2013, đóng góp 0,61 điểm phần trăm

vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,14%, cao hơn nhiều mức tăng 5,43% của năm trước, đóng góp 2,75 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 5,96%, đóng góp 2,62 điểm phần trăm. Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp tăng 7,15% so với năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo có chuyển biến khá tích cực với mức tăng cao là 8,45%, cao hơn nhiều so với mức tăng của một số năm trước (năm 2012 tăng 5,80%; năm 2013 tăng 7,44%). CPI tháng 12/2014 tăng 1,84% so với cùng kỳ năm 2013. CPI bình quân năm 2014 tăng 4,09% so với bình quân năm 2013, mức tăng khá thấp trong 10 năm trở lại đây. Trong năm 2014, chỉ số giá tiêu dùng bình quân mỗi tháng tăng 0,15%.

Theo Báo điện tử của Chính phủ, chiều ngày 10/11/2014 Quốc hội thông qua chỉ tiêu tăng trưởng GDP năm 2015 là 6,2% và tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) khoảng 5% cho thấy tình hình kinh tế có nhiều triển vọng hơn trong năm tới. Với triển vọng kinh tế có xu hướng tích cực trong tương lai sẽ giúp Công ty kinh doanh thuận lợi hơn những năm vừa qua.

Rủi ro kinh tế là loại rủi ro hệ thống, nếu xảy ra rủi ro này các doanh nghiệp khó tránh khỏi việc chậm tiêu thụ hàng hóa và tồn kho tăng cao. Để hạn chế bớt tác động của rủi ro kinh tế, Công ty chú trọng cải tiến hệ thống quản trị, nâng cao chất lượng và chú trọng đến vấn đề quản lý chi phí.

2. Rủi ro về luật pháp:

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đang được điều chỉnh chủ yếu bởi các luật sau: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật thuế xuất nhập khẩu và các quy định khác về xây dựng. Ngoài ra, Công ty còn chịu tác động của các chính sách và chiến lược của ngành.

Hệ thống pháp luật của nước ta hiện nay chưa được hoàn chỉnh, việc vận dụng pháp luật vào thực tế còn nhiều khó khăn. Sự điều chỉnh của các văn bản luật thuộc các lĩnh vực nêu trên còn thiếu nhất quán, thiếu ổn định và có những quy định chồng chéo nhau, đôi khi các văn bản hướng dẫn thi hành chưa đầy đủ, thiếu cập nhật gây khó khăn trong việc áp dụng. Tuy nhiên, Việt Nam đã gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) nên môi trường pháp lý dần hoàn thiện và tuân theo các quy định chung của quốc tế.

Đặc biệt, với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, Chính phủ cũng đang từng bước hoàn chỉnh hệ thống pháp luật tạo sự thông thoáng hơn về các thủ tục hành chính để tạo môi trường kinh doanh tốt hơn, nên rủi ro pháp luật không có ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của Công ty nhưng sẽ tác động đến công tác hoạch định các chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Hoạt động của Công ty còn phải chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Khi Công ty đã trở thành công ty đại chúng và niêm yết chính thức thì phải tuân theo các quy định của Luật Chứng khoán. Hiện nay các văn bản trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi là khó tránh khỏi, ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, Nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt các hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội.

3. Rủi ro đặc thù (ngành, Công ty, lĩnh vực hoạt động):

Rủi ro về thời gian thi công kéo dài làm tăng chi phí

Đặc thù ngành và quy định của pháp luật trong lĩnh vực đầu tư hạ tầng hoặc bất động sản đòi hỏi các doanh nghiệp cần phải có qui mô lớn về vốn trong thời gian dài, do tốc độ giải ngân rất chậm và thời gian đầu tư, đền bù, giải tỏa, thi công, nghiệm thu, bàn giao công trình thường kéo dài. Quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Do vậy, đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tài chính của các công ty xây dựng, như tăng chi phí và giá thành; công nợ phải thu; phải trả và dòng tiền hoạt động.

Rủi ro trong khâu tiêu thụ thành phẩm

Ngoài ra, những yếu tố khác cũng có thể gây rủi ro nhất định cho doanh nghiệp như: Khách hàng vi phạm cam kết mua bán; Thay đổi của thị trường vốn vay có thể gây khó khăn cho việc tìm nguồn tài trợ vốn; Thay đổi lãi suất, thuế suất và các chi phí khác; Thay đổi về thị hiếu của khách hàng đối với loại hình và địa điểm phát triển bất động sản trên một phân khúc thị trường nhất định, dẫn đến mất cân đối cung cầu.

Rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào

Giá cả các yếu tố đầu vào của ngành xây dựng, đặc biệt là xi măng, sắt thép, cát, đá vôi có xu hướng biến động làm ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của Công ty, làm biến động kết quả kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, nền kinh tế đang dần ổn định, nhu cầu về nhà ở, thuê cao ốc, văn phòng và đầu tư hạ tầng cơ sở sẽ phát triển trong tương lai. Dự báo diễn biến của thị trường tương lai cho thấy nhiều khả năng thị trường bất động sản Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới, nhưng sẽ xuất hiện xu hướng cạnh tranh mạnh hơn tại thị trường văn phòng cho thuê. Công ty đã có uy tín trong ngành và được nhiều đối tượng khách hàng, nhà đầu tư tổ chức biết đến nên hoạt động của Công ty là tương đối ổn định.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán:

Rủi ro của đợt chào bán: giá cổ phiếu của Công ty đóng cửa tại ngày 28/05/2015 là 8.800 đồng, theo phương án phát hành giá chào bán cho cổ đông hiện hữu không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu. Với mức chênh lệch giá giữa giá thị trường và giá chào bán cho cổ đông hiện hữu tương đối nhiều thì khả năng bán hết số cổ phần dự kiến chào bán là không dễ dàng. Từ nay đến ngày chính thức phát hành thị trường có những thay đổi khó lường trước được nên tại ngày chính thức phát hành vẫn còn tiềm ẩn rủi ro Công ty sẽ không bán hết số cổ phần chào bán. Để hạn chế bớt rủi ro này Công ty đã có kế hoạch vay vốn từ ngân hàng để tài trợ cho hoạt động kinh doanh nếu như không bán hết số cổ phần chào bán.

Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán: đợt phát hành này Công ty sử dụng toàn bộ tiền thu được bổ sung vốn kinh doanh để thực hiện các hợp đồng thi công hạ tầng giao thông mà Công ty đã ký với chủ đầu tư, nếu các hợp đồng thi công này thực hiện không theo đúng tiến độ thì Công ty sẽ bị nhà đầu tư kéo dài thời gian thanh toán theo tiến độ hai bên thỏa thuận. Việc thu tiền chậm sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

4.1. Rủi ro đối với dự án cao ốc PPI Tower Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Tp. HCM

Dự án này do Công ty cổ phần phát triển hạ tầng và bất động sản Thái Bình Dương làm chủ đầu tư. Sản phẩm chính là văn phòng cho thuê và căn hộ. Dự án hiện đã hoàn thành thủ tục pháp lý, đền bù giải phóng mặt bằng, có phê duyệt dự án đầu tư và thiết kế cơ sở (giấy phép xây dựng). Đến nay Công ty đã thi công ép cọc thử. Rủi ro về xây dựng coi như không nhiều, rủi ro về khâu tiêu thụ sản phẩm không đáng kể vì phân khúc sản phẩm căn hộ này đang được thị trường đón nhận tốt.

4.2. Rủi ro đối với dự án cao tốc Bến Lức Long Thành

Dự án này do Bộ Giao thông vận tải làm chủ đầu tư cùng với nhà thầu chính là Vinaconex. Trong đó, công ty PPI làm nhà thầu tham gia thi công một phần khối lượng đường thuộc gói thầu A1 (km0+600 – km7+900) với giá trị xây dựng khoảng 360 tỷ đồng. Dự án đang được thi công và dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 2017. Rủi ro dự án (nếu có) thường đến từ việc khảo sát địa chất không kỹ dẫn đến phát sinh thêm chi phí cho việc xử lý nền đất, xử lý sụt trượt, và kiên cố hóa công trình. Bên cạnh đó, việc đường cao tốc đi ngang các khu dân cư tập trung đông nên việc giải phóng mặt bằng, tái định cư có thể kéo dài và tốn kém hơn dự kiến. Việc thời gian xây dựng bị kéo dài sẽ mang tới rủi ro về chi phí đầu tư do trượt giá, biến động giá

4.3. Rủi ro đối với dự án Đường BT Thủ Thừa – Bình Thành – Hòa Khánh

Dự án đường BT Thủ Thừa – Bình Thành – Hòa Khánh do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư. Rủi ro dự án (nếu có) thường đến từ việc khảo sát thiết kế kỹ thuật không kỹ dẫn đến tăng tổng mức đầu tư cộng thêm thời gian đầu tư dài nên phát sinh chi phí.

4.4. Rủi ro đối với dự án BT Quốc lộ 20 – Lâm Đồng

Công ty PPI là nhà thầu tham gia thi công xây lắp một phần khối lượng thuộc gói thầu số 3: xây lắp đoạn km181+434 – km189+884 giá trị khoảng 200 tỷ đồng (8km), dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2016. Rủi ro dự án (nếu có) thường đến từ địa hình miền núi thi công phức tạp và năng lực nhà đầu tư dự án dẫn đến vốn thanh toán chậm cho nhà thầu thi công.

4.5. Rủi ro đối với dự án BOT nâng cấp cải tạo Quốc lộ 62 – Long An

Dự án nâng cấp cải tạo Quốc lộ 62 – Long An do Bộ Giao thông vận tải làm chủ đầu tư. Trong đó công ty PPI là thành viên Liên danh Nhà đầu tư và thi công xây dựng với tỷ lệ tham gia là 51% tương ứng giá trị khoảng 732 tỷ đồng. Rủi ro dự án (nếu có) đây là dự án BOT nên việc hoàn vốn đầu tư từ việc thu phí, thời gian hoàn vốn kéo dài. Hiệu quả đầu tư của dự án có thể bị ảnh hưởng do mạng lưới giao thông của khu vực thay đổi. Dự án có tổng mức đầu tư lớn, có thể phát sinh về khối lượng và biến động giá trong quá trình thi công.

5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu:

Việc phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ gây ra sự pha loãng giá trị cổ phiếu, cụ thể như sau:

Pha loãng giá cổ phiếu theo giá thị trường

Đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu lần này được phân bổ quyền theo tỷ lệ lần lượt là 10:08, nghĩa là:

- Cổ đông hiện hữu sở hữu 10 cổ phần hiện tại sẽ được quyền mua thêm 08 cổ phần mới phát hành với giá không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần.
- Khi phát hành thêm thì giá cổ phiếu của Công ty sẽ bị pha loãng làm giá cổ phiếu của Công ty sẽ giảm giá sau khi hoàn tất phát hành (nếu giá thị trường trước khi phát hành cao hơn giá phát hành). Ví dụ cụ thể dưới đây sẽ giải thích rõ hơn về việc giảm giá cổ phiếu sau khi hoàn tất phát hành:
- Cổ đông hiện hữu sở hữu 10 cổ phần giá tại ngày 28/05/2015 là 8.800 đồng, vậy giá trị cổ đông sở hữu là 10 cổ phần x 8.800 đồng = 88.000 đồng.
- Theo tỷ lệ phân bổ quyền, cổ đông được quyền mua 08 cổ phần với giá giả định là 10.000 đồng, vậy tổng giá trị là 08 cổ phần x 10.000 đồng = 80.000 đồng.
- Tổng số cổ phần cổ đông sở hữu sau khi phát hành là 10 cổ phần + 8 cổ phần = 18 cổ phần.

- Tổng giá trị cổ đông sở hữu sau khi phát hành là 88.000 đồng + 80.000 đồng = 168.000 đồng.
- Giá bình quân một cổ phần sau khi phát hành là 168.000 đồng/18 cổ phần = 9.333 đồng.
- Giá cổ phần trước khi phát hành là 8.800 đồng và giá cổ phần sau khi phát hành là 9.333 đồng.

Pha loãng theo giá trị sổ sách (BVPS)

Số cổ phiếu trước đợt phát hành: 25.049.053 cổ phiếu, giá trị sổ sách của Công ty trước đợt phát hành tại thời điểm 31/12/2014 là 332.137.543.052 đồng. Do vậy, giá cổ phiếu theo giá trị sổ sách của Công ty là 13.259 đồng/cổ phiếu.

Số cổ phiếu sau đợt phát hành là 45.088.290 cổ phiếu, giá trị sổ sách của Công ty sau đợt phát hành là 532.529.963.052 đồng. Do vậy, giá cổ phiếu theo giá trị sổ sách của Công ty sau đợt phát hành bị pha loãng và có giá trị là 11.810 đồng/cổ phiếu.

Pha loãng theo giá trị Earning per Share (EPS)

Trường hợp không có đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu như đã nêu trên trong năm 2015: Số cổ phiếu hiện tại tính đến thời điểm 31/12/2014 là 25.049.053 cổ phiếu, do vậy lợi nhuận sau thuế trên mỗi cổ phiếu trong trường hợp này được tính dựa trên tỷ số giữa lợi nhuận sau thuế trong năm 2014 và số lượng cổ phiếu lưu hành trong năm 2014, cụ thể như sau:

$$\text{EPS} = \frac{22.917.199.909}{25.049.053} = 914 \text{ đồng/cp}$$

Trường hợp thực hiện đợt phát hành nêu trên thì lợi nhuận sau thuế trên mỗi cổ phiếu (EPS) sẽ được pha loãng như sau:

$$\text{EPS pha loãng} = \frac{22.917.199.909}{45.088.295} = 508 \text{ đồng/cp}$$

6. Rủi ro khác:

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh ... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại (phá hủy một phần hoặc hoàn toàn) ... Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty dự kiến

sẽ tham gia mua bảo hiểm cho tài sản và các công trình xây dựng mà Công ty tiến hành thực hiện theo quy định về hồ sơ xây dựng của từng dự án.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH:

1. Tổ chức phát hành:

- Ông PHẠM ĐỨC TẤN Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm TGD.
- Bà TÔ THỊ THÚY HÀ Chức vụ: Kế toán trưởng.
- Ông HÀ HỮU KHƯƠNG Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn:

Ông JOHAN NYVENE Chức vụ: Tổng Giám Đốc.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương (PPI). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM:

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **Tổ chức phát hành:** Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương (PPI).
- **Công ty kiểm toán:** Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.
- **Bản cáo bạch:** Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
- **Điều lệ:** Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương thông qua.
- **Vốn điều lệ:** Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương.
- **Cổ phần:** Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- **Cổ phiếu:** Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty.
- **Người có liên quan:** Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;
 - Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
 - Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Công ty mẹ, công ty con;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Nghị định 58/2012/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- BCTC: Báo cáo tài chính.
- BTGD: Ban Tổng Giám đốc.
- BKS: Ban Kiểm soát.
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên.
- Công ty: Viết tắt của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương (PPI).
- CP: Cổ phần.
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông.
- ĐKKD: Đăng ký kinh doanh.
- HĐ: Hợp đồng.
- HĐQT: Hội đồng quản trị.
- KCN: Khu công nghiệp.
- SGDCK HCM: Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.
- SXKD: Sản xuất kinh doanh.
- TCKT: Tài chính kế toán.
- TCTD: Tổ chức tín dụng.
- TGD: Tổng Giám đốc.
- Thuế TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- TMCP: Thương mại cổ phần.
- TNHH: Trách nhiệm hữu hạn.
- TSCĐ: Tài sản cố định.
- TSLĐ: Tài sản lưu động.
- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- UBND: Ủy ban nhân dân.
- XD CB: Xây dựng cơ bản.
- QSDĐ: Quyền sử dụng đất.
- CSHT: Cơ sở hạ tầng.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương (PPI) tiền thân là Chi nhánh Công ty xây dựng công trình 120 thuộc Công ty xây dựng công trình 120 (Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 1 (Cienco1) – Bộ Giao thông Vận tải), được thành lập năm 1994.
- Ngày 08/01/2003, Chi nhánh Công ty Xây dựng Công trình 120 được đổi thành Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 135 và mở rộng ngành nghề kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm, chuyển sang lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản.
- Năm 2004, Bộ Giao thông Vận tải có quyết định số 3204/QĐ-BGTVT ngày 27/10/2004 chuyển Công ty Xây dựng Công trình giao thông 135 thuộc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông I thành công ty cổ phần.
- Năm 2005, Công ty đã chuyển đổi hệ thống tổ chức theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông. Các đội sản xuất được chuyển thành Xí nghiệp và Công ty cổ phần thành viên (hoạt động theo luật doanh nghiệp) đã tạo điều kiện chủ động và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Từ ngày 01/01/2010 Công ty đã đổi tên doanh nghiệp từ "Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 135" thành: "Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương" theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0303614496 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 25/12/2009, việc đổi tên doanh nghiệp nhằm nâng cao vị thế của Công ty và phù hợp với định hướng phát triển mới.
- Ngày 02/4/2010 cổ phiếu của Công ty được Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết theo quyết định số 61/QĐ-SGDHCM.
- Từ ngày 12/03/2015 Công ty đã đổi tên doanh nghiệp từ "Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương" thành: "Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Hạ tầng Thái Bình Dương" theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 22/12/2014 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0303614496 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 31/12/2014.

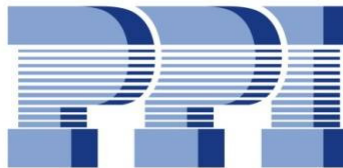
- **Một số thông tin cơ bản về Công ty**

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG.**

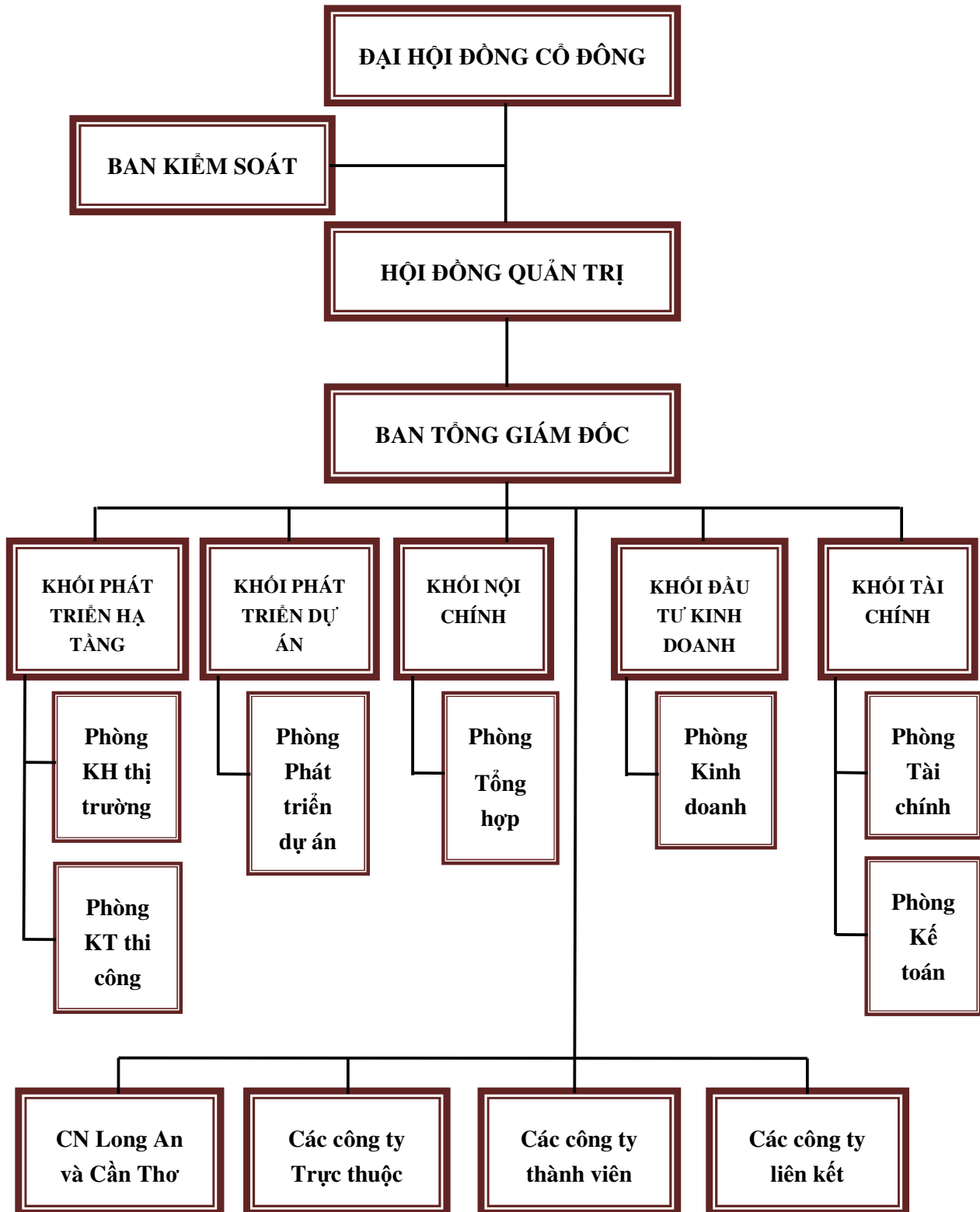
- Tên tiếng Anh: **PACIFIC INFRASTRUCTURE PROJECT DEVELOPMENT**

AND INVESTMENT CORPORATION.

- Tên viết tắt: **PPI CORP.**
- Địa chỉ: 31/21 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Tp.HCM.
- Điện thoại: (84.8) 37 269 701.
- Fax: (84.8) 37 269 872.
- Website: www.ppigroup.com.vn
- Số tài khoản ngân hàng: 0461000454474.
- Ngân hàng mở tài khoản: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Sóng Thần.
- Số tài khoản ngân hàng: 21210000166951.
- Ngân hàng mở tài khoản: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – chi nhánh Tây Hồ.
- Mã số thuế: 0303414496.
- Giấy chứng nhận đầu tư: Giấy chứng nhận ĐKKD số 0303414496 do Sở KHĐT TP. HCM cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2004 và cấp mới lần thứ 18 ngày 31/12/2014.
- Vốn điều lệ: **250.490.530.000 đồng** (Hai trăm năm mươi tỷ, bốn trăm chín mươi triệu, năm trăm ba mươi ngàn đồng).
- Logo:

**2. Cơ cấu tổ chức Công ty và Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương (PPI) được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005. Các hoạt động của PPI tuân thủ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.



2.1. Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2.2. Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý của Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị không ít hơn 5 người và không nhiều hơn 11 người. Hiện Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương bao gồm 05 thành viên.

2.3. Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát là tổ chức trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương bao gồm 03 thành viên.

2.4. Ban Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2.5. Các phòng ban nghiệp vụ:

- **Phòng Kế hoạch thị trường:**
 - **Chức năng**
 - Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về công tác khai thác và phát triển thị trường.
 - Chủ trì công tác đấu thầu các công trình.
 - Đề xuất kế hoạch đầu tư, phương án vốn, đánh giá hiệu quả đầu tư.
 - Quản lý và khai thác hiệu quả xe máy thiết bị thi công.
 - **Nhiệm vụ.**
 - Xây dựng quan hệ với các chủ đầu tư/Ban quản lý dự án để quảng bá thương hiệu, hình ảnh nhằm tạo lợi thế cạnh tranh.
 - Tìm kiếm thị trường và đánh giá các công trình tiềm năng và xây dựng kế hoạch thực hiện.
 - Tiếp nhận và nghiên cứu hồ sơ mời thầu.

- Tham dự các hội nghị tiền đấu thầu hoặc liên hệ với bên mời thầu để làm rõ yêu cầu (nếu cần).
- Đánh giá điều kiện năng lực, sự phù hợp của Công ty để đề xuất tham dự thầu với lãnh đạo.
- Chủ trì công tác lập hồ sơ thầu, đảm bảo tính cạnh tranh và bảo mật của các hồ sơ thầu.
- Tham gia thương thảo các điều kiện hợp đồng với sự trợ giúp của luật sư (nếu cần) để ký kết hợp đồng khi trúng thầu.
- Thực hiện đánh giá sau mỗi lần dự thầu để rút kinh nghiệm.
- Quản lý điều hành tổ quản lý thiết bị (theo đúng chức năng – nhiệm vụ của tổ quản lý thiết bị). Đánh giá hiệu quả đầu tư thiết bị thi công.
- Tiến hành đấu thầu thầu phụ (nếu cần).
- Trao đổi với chủ đầu tư về các nội dung thay đổi, điều chỉnh hợp đồng.
- Lập kế hoạch sản lượng, doanh thu và lợi nhuận hàng quý, năm, Báo cáo thống kê về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty định kỳ hoặc bất thường.
- Lập báo cáo thực hiện vốn đầu tư hàng năm, báo cáo quyết toán khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng.
- Lập hồ sơ mời thầu đối với các công trình do Công ty là chủ đầu tư.
- Kết hợp với đơn vị thi công thực hiện các thủ tục liên quan đến hồ sơ thanh quyết toán công trình với chủ đầu tư do PPI làm tổng B.
- Kết hợp với đơn vị thi công lập hồ sơ thanh toán các khối lượng do Công ty làm chủ đầu tư và nhà thầu phụ đối với các công trình PPI làm tổng B.
- Thương thảo hợp đồng với chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, các đơn vị thi công, nhà thầu phụ, các đối tác cung ứng vật tư – xe máy thiết bị.
- Lập hồ sơ thanh toán với chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, các đơn vị thi công, nhà thầu phụ, các đối tác cung ứng vật tư – xe máy thiết bị.
- Phối hợp thực hiện các thủ tục đầu tư các dự án BT, BOT ...
- Lựa chọn, xây dựng và phát triển mối quan hệ đối tác kinh doanh để thực hiện chiến lược đầu tư.
- Lập hồ sơ dự toán thi công đối với các công trình hạ tầng.
- Ký hợp đồng và thanh lý hợp đồng với chủ đầu tư và nhà thầu phụ.
- Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Ban Tổng giám đốc.

- **Phòng Kỹ thuật thi công:**
 - **Chức năng**
 - Tham mưu cho Ban tổng giám đốc về công tác thi công và quản lý chất lượng các công trình do PPI là chủ đầu tư hoặc là nhà thầu chính.
 - Thực hiện vai trò của nhà thầu chính hoặc tổng thầu đối với chủ đầu tư và thầu phụ.
 - Đề xuất kế hoạch phương án thi công, đánh giá hiệu quả thực hiện các dự án.
 - **Nhiệm vụ**
 - Tổ chức thực hiện giám sát các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng được công ty giao thầu hoặc trúng thầu thi công, giám sát các dự án khu dân cư PPI làm chủ đầu tư.
 - Xây dựng các văn bản quy định về quản lý chất lượng và an toàn thi công trình Tổng giám đốc phê duyệt.
 - Nghiên cứu hồ sơ thiết kế thi công và thực tế hiện trường để triển khai thi công hợp lý nhất.
 - Kiểm tra năng lực của các đơn vị tư vấn, thi công xây dựng công trình.
 - Hoàn thiện hồ sơ KCS, hồ sơ hoàn công đúng theo quy định để làm hồ sơ thanh quyết toán với chủ đầu tư.
 - Kết hợp với đơn vị thi công thực hiện các thủ tục liên quan đến hồ sơ nghiệm thu khối lượng công trình với chủ đầu tư do PPI làm tổng B.
 - Quản lý tiến độ dự án đầu tư và thi công các công trình.
 - Phối hợp với phòng Kế hoạch – Thị trường lập hồ sơ dự thầu các vấn đề liên quan đến kỹ thuật thi công, phương án tổ chức thi công, tiến độ thực hiện.
 - Phối hợp thực hiện các thủ tục đầu tư các dự án BT, BOT ...
 - Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Ban Tổng giám đốc.
- **Phòng Phát triển dự án**
 - **Chức năng**
 - Xây dựng và phát triển chiến lược đầu tư bất động sản phù hợp với tầm nhìn và chiến lược phát triển của Công ty.
 - Thực hiện quản lý các dự án đầu tư bất động sản được phê duyệt.
 - Đề xuất cải cách tổ chức quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động.
 - **Nhiệm vụ**

- Xây dựng chiến lược đầu tư dài hạn về bất động sản phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.
- Tìm kiếm nghiên cứu đề xuất về đầu tư các dự án bất động sản, đánh giá các cơ hội đầu tư.
- Thực hiện các thủ tục trình tự đầu tư dự án theo quy định: phê duyệt quy hoạch chi tiết, xin cấp giấy phép đầu tư, giấy phép xây dựng, các thủ tục về đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng.
- Lập dự án đầu tư trình ban lãnh đạo phê duyệt, kiểm tra, đánh giá hiệu quả đầu tư.
- Quản lý tổng mức đầu tư.
- Lập hồ sơ mời thầu đối với các công trình do Công ty là chủ đầu tư.
- Kiểm tra năng lực của các đơn vị tư vấn, thi công xây dựng công trình.
- Kiểm tra và đánh giá hiệu quả đầu tư.
- Lựa chọn, xây dựng và phát triển mối quan hệ đối tác kinh doanh để thực hiện chiến lược đầu tư.
- Thực hiện các thủ tục hồ sơ về đất đai đối với khách hàng.
- Tham gia vào các công việc khác theo sự phân công của Ban Tổng giám đốc.
- **Phạm vi hoạt động**
 - Triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư bất động sản của Công ty.
 - Soạn thảo hợp đồng kinh tế liên quan đến đầu tư dự án.
- **Phòng Tổng hợp (Phòng Quản trị nguồn nhân lực, Truyền thông – Quan hệ cổ đông và Pháp chế):**
 - **Chức năng**
 - Tham mưu, xây dựng chiến lược nhân sự và văn hóa công ty.
 - Thiết kế, xây dựng chiến lược phát triển mô hình cấu trúc công ty.
 - Phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng chiến lược phát triển của Công ty.
 - Quản lý sự tuân thủ luật pháp về lao động, sức khỏe và an toàn lao động.
 - Xây dựng và phát triển thương hiệu và hình ảnh công ty.
 - Quản lý thông tin truyền thông về Công ty ra công chúng.
 - Tuân thủ việc công bố thông tin trong phạm vi theo yêu cầu đối với UBCK và HOSE.
 - Tổ chức tất cả các hoạt động liên quan đến cổ đông.

- Tư vấn hỗ trợ pháp lý cho các bộ phận trong Công ty liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Tham mưu hỗ trợ về pháp lý.
- **Nhiệm vụ**
 - Lập kế hoạch, xây dựng và tổ chức nguồn nhân sự cho từng bộ phận.
 - Thực hiện tuyển dụng theo yêu cầu của Công ty (trực tiếp hay thông qua các nhà tuyển dụng chuyên nghiệp).
 - Xây dựng và thực hiện chiến lược nhân sự, phát triển nghề nghiệp cùng nhân viên.
 - Thực hiện nghiên cứu, nắm bắt xu hướng thị trường về nhân sự.
 - Tham mưu cho ban lãnh đạo về các chính sách lương, đãi ngộ nhân tài.
 - Phổ biến các chính sách chung về nhân sự của toàn Công ty đến từng nhân viên.
 - Lập kế hoạch, tổ chức các khóa đào tạo chuyên môn, đào tạo kỹ năng mềm.
 - Tổ chức đánh giá nhân sự. Quản lý thời gian và hiệu quả làm việc của nhân viên.
 - Tiến hành kiểm tra tuân thủ an toàn lao động và thực hiện tuân thủ các chế độ chính sách nhân sự theo yêu cầu pháp luật và quy định của Công ty.
 - Xây dựng, duy trì quan hệ với các phòng ban khác.
 - Dẫn dắt việc xây dựng văn hóa công ty.
 - Soạn thảo ra các Quyết định về tổ chức trong Công ty.
 - Tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác thi đua, khen thưởng.
 - Xây dựng và thực hiện kế hoạch, xây dựng hình ảnh của Công ty theo tầm nhìn và chiến lược.
 - Tổ chức các hoạt động truyền thông giữa Công ty và cổ đông, các phương tiện truyền thông.
 - Xây dựng và phát triển quan hệ với các tổ chức, cơ quan hữu quan, báo giới.
 - Xây dựng và duy trì mối quan hệ với các cổ đông, đối tác chiến lược.
 - Tư vấn, tham mưu ban lãnh đạo về các chiến lược phát triển phù hợp với tầm nhìn của Công ty.
 - Giải đáp, cung cấp thông tin cho cổ đông.
 - Tập hợp hồ sơ, thông tin và phối hợp với Văn phòng luật sư thực hiện các thủ tục tranh chấp (nếu có) liên quan đến Công ty.
 - Tham gia vào các công việc khác theo sự phân công của Ban Tổng giám đốc.

- **Phạm vi hoạt động**
 - Tổ chức nguồn nhân sự tại Văn phòng Công ty.
 - Tổ chức công tác truyền thông và công bố thông tin tại Văn phòng Công ty.
 - Tham mưu cho lãnh đạo các đơn vị thành viên về công tác truyền thông.
- **Phòng Kinh doanh:**
 - Thực hiện chức năng bán hàng và xây dựng, mở rộng mạng lưới bán hàng nhằm giới thiệu, tìm kiếm và thu hút khách hàng sử dụng sản phẩm của Công ty.
 - Lập, đề xuất kế hoạch, phương án, chính sách bán hàng. Đề xuất, thực hiện chính sách hậu mãi với khách hàng.
 - Phối hợp với Sàn giao dịch Bất động sản tổ chức các hoạt động, chương trình bán hàng: hoạt động khuyến mãi, tiếp thị, quảng bá sản phẩm, thương hiệu.
 - Quản lý thông tin khách hàng: Thông tin giao dịch, thông tin cá nhân, số lượng sản phẩm bán ra.
 - Quản lý công nợ khách hàng.
 - Phối hợp với Phòng Kế toán tiến hành các thủ tục ghi nhận doanh thu dự án.
 - Cập nhật các thông tin có liên quan đến lĩnh vực kinh doanh.
 - Tổ chức nghiên cứu, khảo sát đánh giá thị trường hàng tháng, quý có báo cáo phục vụ công tác chung và chỉ đạo của Ban TGD.
 - Phối hợp với Bộ phận Truyền thông cập nhật thông tin kinh doanh trên website Công ty và bên ngoài.
 - Phối hợp với Sàn giao dịch Bất động sản, phản hồi thông tin khách hàng (bằng văn bản).
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Ban TGD.
- **Phòng Quản trị Tài chính:**
 - **Chức năng**
 - Tổ chức và quản lý hệ thống thông tin để phân tích và đánh giá việc sử dụng nguồn lực tài chính.
 - Huy động và phân bổ nguồn lực tài chính cho các chiến lược kinh doanh và hoạt động của Công ty.
 - Đề xuất, tham mưu chính sách tài chính cho ban lãnh đạo.
 - Phối hợp với các bộ phận khác trong Công ty hay nhóm trong Công ty thực hiện các chức năng khác mà Ban tổng giám đốc phân công và ủy quyền.

- **Nhiệm vụ**
 - Đề xuất, xây dựng chiến lược tài chính quý, năm.
 - Tìm kiếm, huy động và phân bổ nguồn lực tài chính.
 - Thiết lập hệ thống thông tin phân tích (cùng bộ phận Kế toán).
 - Phân tích, đánh giá về nguồn vốn, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động.
 - Tham gia xây dựng chính sách tài chính.
 - Tham gia thẩm định tài chính cho các dự án đầu tư, kế hoạch kinh doanh.
 - Chuẩn bị báo cáo quản trị và báo cáo thường niên.
 - Tham gia chuẩn bị kế hoạch kinh doanh.
 - Tham gia vào các công việc khác theo sự phân công của Ban Tổng giám đốc.
- Phạm vi hoạt động
 - Tổ chức quản trị tài chính Công ty.
 - Phân tích, đánh giá hoạt động công ty con và công ty liên kết.
 - Phối hợp nguồn vốn giữa công ty mẹ và các công ty con.
- **Phòng Kế toán**
 - **Chức năng**
 - Tổ chức và quản lý hệ thống thông tin kế toán tài chính và kế toán quản trị.
 - Hướng dẫn, kiểm tra kế toán các đơn vị phụ thuộc và đơn vị thành viên.
 - Phối hợp với các bộ phận khác trong Công ty hay nhóm trong Công ty thực hiện các chức năng khác mà Ban tổng giám đốc phân công và ủy quyền.
 - **Nhiệm vụ**
 - Thu thập, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ.
 - Kiểm tra, giám sát nguồn thu chi.
 - Lập báo cáo tài chính bao gồm cả việc tính toán giá thành tổng hợp và chi tiết.
 - Lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán.
 - Theo dõi, quản lý và đôn đốc công nợ.
 - Kiểm tra tuân thủ pháp luật kế toán, thuế.
 - Xây dựng, duy trì quan hệ với các phòng ban khác.
 - Tham gia vào các công việc khác theo sự phân công của Ban Tổng giám đốc.

- **Phạm vi hoạt động**

- Tổ chức kế toán tại Văn phòng Công ty, các đơn vị trực thuộc.
- Giám sát, kiểm tra kế toán tại công ty con và công ty liên kết.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn Cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ Cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.

3.1. Cơ cấu cổ đông của Công ty (tại thời điểm ngày 31/12/2014):

Stt	Cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông đặc biệt	5.127.532	20,47%
1	Hội đồng quản trị	5.058.887	20,20%
2	Ban Tổng giám đốc	37	0,00%
3	Ban kiểm soát	3.456	0,01%
4	Kế toán trưởng	65.152	0,26%
II	Cổ đông khác	19.921.521	79,53%
1	Cổ đông trong nước	19.839.647	79,20%
1.1	Cá nhân	16.963.405	67,72%
1.2	Tổ chức	2.876.242	11,48%
2	Cổ đông nước ngoài	81.874	0,33%
2.1	Cá nhân	60.805	0,24%
2.2	Tổ chức	21.069	0,08%
Tổng cộng (I + II)		25.049.053	100,00%

3.2. Cổ đông sáng lập và tỷ lệ Cổ phần nắm giữ:

Theo quy định của Luật doanh nghiệp, trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Công ty chính thức được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 27 tháng 12 năm 2004, tính đến thời điểm hiện nay (tháng 03/2015), các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều đã được bãi bỏ.

3.3. Cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phần:

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Đức Tấn	20/3 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.004.832	12,0%
2	Công Ty cổ phần Phát Triển Nhà Thủ Đức	13 – 15 – 17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM	2.000.000	8,0%
3	Công ty cổ phần Đầu tư TM & DV Hoàn Lộc Việt	Tầng 5A, cao ốc Master 41 – 43 Trần Cao Vân, P.6, Q.3, Tp. HCM	2.000.000	8,0%
Tổng cộng			7.004.832	28,0%

4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc Cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc Cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.

4.1. Danh sách Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và Cổ phần chi phối của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương:

- Không có.

4.2. Danh sách các Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương:

4.2.1. Công ty Cổ phần BT Thủ Thừa – Bình Thành

	<p>Trụ sở: 30 lô F, Đường 11, Khu phố 3, Khu dân cư Trung tâm Thị trấn Bến Lức, Thị trấn Bến Lức, Long An.</p> <p>Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng.</p> <p>Vốn thực góp: 2.318.541.064 đồng.</p> <p>Hoạt động: Công ty Cổ phần BT Thủ Thừa – Bình Thành ra đời năm 2012, với nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ, quản lý dự án công trình xây dựng. Hiện công ty đang quản lý và thực hiện dự án BT Thủ Thừa – Bình Thành (Khởi công 23/3/2013).</p> <p>PPI sở hữu: 99,8%.</p>
--	--

4.3. Các công ty liên doanh – liên kết:

4.3.1. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu nông sản Thái Bình Dương

	<p>Trụ sở: Lầu 3, Số 31/21 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP. HCM.</p> <p>Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng.</p> <p>Vốn thực góp: 2.892.157.955 đồng.</p> <p>Hoạt động: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu nông sản Thái Bình Dương được thành lập vào ngày 29/12/2012 với ngành nghề kinh doanh chính là buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu và sản xuất thức ăn chăn nuôi, tinh bột và sản phẩm từ tinh bột. Công ty đã đi vào hoạt động từ quý 1 năm 2013.</p> <p>PPI sở hữu: 45%.</p>
--	--

4.3.2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Kinh Bắc

	<p>Trụ sở: Số 14, Ngõ 161 Đường Thái Hà, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội.</p> <p>Vốn điều lệ: 7.000.000.000 đồng.</p> <p>Vốn thực góp: 1.536.364.950 đồng.</p> <p>Hoạt động: Được thành lập từ năm 2007, Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển hạ tầng Kinh Bắc kinh doanh trong các lĩnh vực: Đầu tư xây dựng, vận tải, buôn bán hàng hóa phục vụ trong xây dựng giao thông, kinh doanh nhà nghỉ khách sạn, khai thác đá và các loại mỏ khác.</p> <p>PPI sở hữu: 49%.</p>
--	---

4.3.3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình Miền Đông

	<p>Trụ sở: Lầu 4, 31/21 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP.HCM.</p> <p>Vốn điều lệ: 7.000.000.000 đồng.</p> <p>Vốn thực góp: 300.000.000 đồng.</p> <p>Hoạt động: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình Miền Đông thành lập năm 2007 chuyên xây dựng các công trình dân</p>
--	---

	<p>dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện, cơ sở hạ tầng. Ngoài ra, công ty cũng có các hoạt động kinh doanh trong bất động sản, kinh doanh khách sạn, kiểm định chất lượng các công trình, mua bán vật tư thiết bị giao thông.</p> <p>PPI sở hữu: 4,29%.</p>
--	---

4.3.4. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thái Bình Dương


	<p>Trụ sở: 65 Khu phố 5, Đường Số 23, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức.</p> <p>Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng.</p> <p>Vốn thực góp: 500.000.000 đồng.</p> <p>Hoạt động: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thái Bình Dương được thành lập năm 2008 với mục đích là xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, cung cấp các dịch vụ thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình, mua bán vật tư thiết bị giao thông.</p> <p>PPI sở hữu: 4,17%.</p>
--	--

4.3.5. Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Cửu Long


	<p>Trụ sở: 31/21 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng.</p> <p>Vốn thực góp: 4.500.000.000 đồng.</p> <p>Hoạt động: Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Cửu Long được thành lập năm 2012, kinh doanh trong các lĩnh vực Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, công trình công ích, kỹ thuật dân dụng. Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước. Khai thác đá, cát sỏi đất sét, nuôi trồng thủy sản.</p> <p>PPI sở hữu: 30%.</p>
--	--

4.4. Chi nhánh và Văn phòng đại diện


4.4.1. Chi nhánh tại Long An

	<p>Trụ sở: Số 245 quốc lộ 1A, Khu phố 3, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.</p> <p>Hoạt động: Chi nhánh tại Long An được thành lập ngày 29/07/2005 là đơn vị hạch toán phụ thuộc trực thuộc Công ty PPI, thực hiện chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty.</p>
---	---

4.4.2. Chi nhánh tại Cần Thơ

	<p>Trụ sở: 152 Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.</p> <p>Hoạt động: Chi nhánh tại thành phố Cần Thơ được thành lập ngày 01/12/2015 là đơn vị hạch toán phụ thuộc trực thuộc Công ty PPI, thực hiện chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty.</p>
---	---

4.4.3. Văn phòng đại diện tại Hà Nội

	<p>Trụ sở: 105 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.</p> <p>Hoạt động: Văn phòng đại diện Công ty tại Hà Nội được thành lập ngày 29/03/2005 là đơn vị thực hiện chức năng thay mặt Công ty giao dịch với khách hàng tại khu vực phía Bắc.</p>
--	--

5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

5.1. Lần 1 (năm 2007): Tăng vốn từ 15 tỷ đồng lên 25 tỷ đồng thông qua việc phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu và đối tác chiến lược.

- **Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu.**
 - + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
 - + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
 - + Tỷ lệ phân bổ quyền: 3:1.
 - + Số lượng phát hành: 250.000 cổ phần.
 - + Số lượng cổ đông: 79 cổ đông.
 - + Ngày phát hành: 08/05/2007.
- **Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho đối tác chiến lược.**
 - + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

- + Giá phát hành: 11.000 đồng/cổ phần.
- + Số lượng phát hành: 750.000 cổ phần.
- + Số lượng nhà đầu tư: 10 nhà đầu tư.
- + Ngày phát hành: 15/03/2007.

Căn cứ pháp lý:

Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng Quyết định số 40/QĐ-HĐCĐ-2007 ngày 07/03/2007.

5.2. Lần 2 (năm 2007): Tăng vốn từ 25 tỷ đồng lên 60 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu, phát hành riêng lẻ cho cán bộ công nhân viên và cho đối tác chiến lược.

- **Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu**
 - + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
 - + Giá phát hành: 12.000 đồng/cổ phần.
 - + Tỷ lệ phân bổ quyền: 5:1.
 - + Số lượng phát hành: 500.000 cổ phần.
 - + Số lượng cổ đông: 67 cổ đông.
 - + Ngày phát hành: 26/05/2007.
- **Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cán bộ công nhân viên**
 - + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
 - + Giá phát hành: 12.000 đồng/cổ phần.
 - + Số lượng phát hành: 100.000 cổ phần.
 - + Số lượng nhà đầu tư: 47 nhà đầu tư.
 - + Ngày phát hành: 26/05/2007.
- **Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho đối tác chiến lược**
 - + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
 - + Giá phát hành: 17.000 đồng/cổ phần.
 - + Số lượng phát hành: 2.900.000 cổ phần.
 - + Số lượng nhà đầu tư: 14 nhà đầu tư.
 - + Ngày phát hành: 27/06/2007.

Căn cứ pháp lý:

Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng Nghị quyết số 144/NQ-HĐCĐ-2007 ngày 26/05/2007.

5.3. Lần 3 (năm 2007): Tăng vốn từ 60 tỷ đồng lên 90 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu, phát hành riêng lẻ cho cán bộ công nhân viên và cho đối tác chiến lược.

- **Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu**
 - + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
 - + Giá phát hành: 17.000 đồng/cổ phần.
 - + Tỷ lệ phân bổ quyền: 5:1.
 - + Số lượng phát hành: 1.200.000 cổ phần.
 - + Số lượng cổ đông: 77 cổ đông.
 - + Ngày phát hành: 02/01/2008.
- **Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cán bộ công nhân viên**
 - + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
 - + Giá phát hành: 17.000 đồng/cổ phần.
 - + Số lượng phát hành: 300.000 cổ phần.
 - + Số lượng nhà đầu tư: 21 nhà đầu tư.
 - + Ngày phát hành: 25/12/2007.
- **Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho đối tác chiến lược**
 - + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
 - + Giá phát hành: 30.000 đồng/cổ phần.
 - + Số lượng phát hành: 1.500.000 cổ phần.
 - + Số lượng nhà đầu tư: 22 nhà đầu tư.
 - + Ngày phát hành: 27/12/2007.

Căn cứ pháp lý:

Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng Nghị quyết số 937/NQ-HĐCĐ-2007 ngày 11/12/2007.

5.4. Lần 4 (năm 2008): Tăng vốn từ 90.000.000.000 đồng lên 100.147.530.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu, phát hành riêng lẻ cho cán bộ công nhân viên.

- **Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu**
 - + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
 - + Giá phát hành: 12.000 đồng/cổ phần.
 - + Tỷ lệ phân bổ quyền: 5:1.

- + Số lượng phát hành: 756.380 cổ phần.
- + Số lượng cổ đông: 90 cổ đông.
- + Ngày phát hành: 20/12/2008.
- **Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cán bộ công nhân viên**
 - + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
 - + Giá phát hành: 12.000 đồng/cổ phần.
 - + Số lượng phát hành: 258.373 cổ phần.
 - + Số lượng nhà đầu tư: 12 nhà đầu tư.
 - + Ngày phát hành: 20/12/2008.

Căn cứ pháp lý:

Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng Nghị quyết số 01/NQHĐCĐ-08 ngày 30/5/2008 và Hội đồng quản trị thông qua bằng Nghị quyết số 555/NQ.HĐQT ngày 02/07/2008.

5.5. Lần 5 (năm 2010): Tăng vốn từ 100.147.530.000 đồng lên 121.830.000.000 đồng đợt 1 theo quyết định số 668/UBCK-GCN ngày 13/9/2010.

- **Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu**
 - + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
 - + Giá phát hành: 18.000 đồng/cổ phần.
 - + Tỷ lệ phân bổ quyền: 15:1.
 - + Số lượng phát hành: 609.175 cổ phần.
 - + Số lượng cổ đông: 649 cổ đông.
 - + Ngày phát hành: 10/12/2010.
- **Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cán bộ công nhân viên**
 - + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
 - + Giá phát hành: 18.000 đồng/cổ phần.
 - + Số lượng phát hành: 558.373 cổ phần.
 - + Số lượng nhà đầu tư: 29 nhà đầu tư.
 - + Ngày phát hành: 10/12/2010.
- **Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho đối tác chiến lược**
 - + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
 - + Giá phát hành: 22.000 đồng/cổ phần.

- + Số lượng phát hành: 1.000.000 cổ phần.
- + Số lượng nhà đầu tư: 02 nhà đầu tư.
- + Ngày phát hành: 10/12/2010.

Căn cứ pháp lý:

Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng Nghị quyết số 02/NQ.ĐHĐCĐ.2010 . ngày 10/06/2010 và Hội đồng quản trị thông qua bằng Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT ngày 10/06/2010, Nghị quyết số 19/NQ-HĐQT ngày 18/11/2010 Chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước theo Quyết định số 668/UBCK-GCN ngày 13/9/2010.

5.6. Lần 6 (năm 2011): Tăng vốn từ 121.830.000.000 đồng lên 122.167.330.000 đồng đợt 2 theo quyết định số 668.

- Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

- + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- + Giá phát hành: 17.000 đồng/cổ phần.
- + Tỷ lệ phân bổ quyền: 100:23,12.
- + Số lượng phát hành: 33.733 cổ phần.
- + Số lượng cổ đông: 964 cổ đông (16 cổ đông thực hiện quyền mua).
- + Ngày phát hành: 06/5/2011.

Căn cứ pháp lý:

Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng Nghị quyết số 02/NQ.ĐHĐCĐ.2010 ngày 10/06/2010 và Hội đồng quản trị thông qua bằng Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT ngày 23/12/2010 Chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước theo Quyết định số 668/UBCK-GCN ngày 13/9/2010 và Công văn số 4252/UBCK-QLPH ngày 28/12/2010.

5.7. Lần 7 (năm 2012): Tăng vốn từ 122.167.330.000 đồng lên 140.490.530.000 bằng việc trả cổ tức bằng cổ phiếu.

- Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu

- + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- + Giá phát hành: 0 đồng/cổ phần.
- + Tỷ lệ phân bổ quyền: 100:15.
- + Số lượng phát hành: 1.832.320 cổ phần.
- + Số lượng cổ đông: 649 cổ đông.
- + Ngày phát hành: 8/11/2011.

Căn cứ pháp lý:

Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2012 ngày 28/5/2012 và Hội đồng quản trị thông qua bằng Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 28/08/2012, Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT ngày 03/10/2012 Chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước theo Công văn số 3327/UBCK-QLPH ngày 17/9/2012 và thông báo ngày 25/8/2012 trên Website của UBCKNN.

5.8. Lần 8 (năm 2014): Tăng vốn từ 140.490.530.000 đồng lên 250.490.530.000 đồng thông qua việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược

- Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược

- + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- + Số lượng phát hành: 11.000.000 cổ phần.
- + Số lượng nhà đầu tư: 07 nhà đầu tư.
- + Ngày phát hành: 29/07/2014.

Căn cứ pháp lý:

Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2014 ngày 21/04/2014, Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ.2014 ngày 09/07/2014 và Hội đồng quản trị thông qua bằng Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 01/07/2014 Chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước theo Công văn số 3001/UBCK-QLPH ngày 19/05/2014.

6. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

6.1. Tổng quan về hoạt động kinh doanh của Công ty:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tập trung vào các lĩnh vực sau:

6.1.1. Xây dựng các công trình giao thông:

Là một là thành viên Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 1 (Cienco 1), PPI có hơn 20 năm kinh nghiệm và được biết đến như một thương hiệu hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng cầu đường.

Công ty đã tham gia thi công nhiều dự án trọng điểm quốc gia như Quốc lộ 1A, Quốc lộ 51, Quốc lộ 54, Quốc lộ 14, Quốc lộ 62, Quốc lộ 20, Quốc lộ 2, Quốc lộ 53 ..., Đường Hồ Chí Minh, đường cao tốc Cầu Giẽ – Ninh Bình, cao tốc Tp. HCM – Trung Lương, cao tốc Nội Bài – Lào Cai, đường sắt Thống Nhất, cầu Ông Lãnh – Tp. HCM, các đường địa phương ở Tỉnh Long An, Đồng Tháp, Bình Dương, Lâm Đồng. Hiện tại, Công ty đang là chủ đầu tư dự án BT Đường Thủ Thừa – Bình Thành (Tỉnh Long An) thành phần 1 với chiều dài 16km, tổng mức đầu tư 424 tỷ đồng, thời gian thi công 2013 – 2015. Sau khi hoàn thành sẽ triển khai các thành phần tiếp theo.

Với đội ngũ quản lý và công nhân có nhiều năm kinh nghiệm đã từng tham gia các dự án trọng điểm nên các sản phẩm xây lắp của Công ty luôn được các chủ đầu tư đánh giá cao về chất lượng và tiến độ.

Năm 2013, tình hình kinh tế khó khăn, các dự án hạ tầng giao thông cũng bị cắt giảm, kể cả các công trình đã được đầu tư, làm cho nợ tồn đọng của Công ty cao. Trong bối cảnh đó, hoạt động của các doanh nghiệp xây dựng hạ tầng giao thông và đầu tư kinh doanh bất động sản nói chung cũng như PPI nói riêng gặp nhiều khó khăn khi nguồn thu giảm trong khi dư nợ ngân hàng vẫn ở mức cao dẫn đến chi phí lãi vay lớn, hiệu quả kinh doanh thấp. Tuy nhiên, Công ty luôn xác định lĩnh vực xây dựng các công trình giao thông là lĩnh vực cốt lõi và bền vững của Công ty vì Việt Nam là nước đang phát triển, nhu cầu xây dựng hạ tầng rất lớn, Chính phủ đang tập trung nhiều vốn cho lĩnh vực này.

Dự án nổi bật trong năm 2013 của Công ty là Dự án BT Đường Thủ Thừa – Bình Thành – Hòa Khánh Tỉnh Long An. Quy mô đường cấp III đồng bằng, tốc độ 80km/h, chiều dài 54km, được chia làm 2 giai đoạn: trong đó giai đoạn 1 với tổng mức đầu tư là 1.250 tỷ đồng gồm 3 thành phần. Hiện nay, PPI đang thực hiện thành phần 1 với chiều dài 16km, tổng mức đầu tư 424 tỷ đồng thời gian thi công 2013 – 2015. Sau khi hoàn thành sẽ triển khai các thành phần tiếp theo.

Ngoài ra, Công ty cũng đang phối hợp cùng với UBND Tỉnh Long An lập quy hoạch chung để kết nối vùng đất không có giá trị cao về nông nghiệp (đất nhiễm phèn) dọc sông Vàm Cỏ Đông để làm khu công nghiệp kết hợp dịch vụ qui mô 850ha. Khu vực nằm các đường Xuyên Á 15km, bên trục đường N2 (Đường Hồ Chí Minh) nối Củ Chi – Đức Hòa, gần đường vành đai 3 của Thành phố Hồ Chí Minh và cao tốc Tân Sơn Nhất – Tân An trong tương lai. Với tổng vốn đầu tư dự kiến: 2.600 tỷ đồng, thời gian đầu tư: 2011 – 2020.

Định hướng của Công ty trong giai đoạn 2014 – 2016 là tập trung mọi nguồn lực nhằm phát triển hơn nữa trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng hạ tầng giao thông. Năm 2014, Công ty thực hiện cơ cấu lại nguồn vốn, phát hành cổ phần cho cổ đông chiến lược để huy động vốn thực hiện các dự án đã ký kết và tham gia đấu thầu các công trình mới.

6.1.2. Đầu tư, kinh doanh bất động sản

Từ năm 2005, với chiến lược mở rộng ngành nghề kinh doanh nên ngoài lĩnh vực truyền thống là xây dựng cầu đường, Công ty đã bổ sung thêm lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản. Với lợi thế là một công ty có kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng nên Công ty đảm nhận phần xây dựng hạ tầng trong các dự án, từ đó giảm chi phí, tăng lợi nhuận của từng dự án.

Các năm vừa qua, giao dịch trên thị trường bất động sản suy giảm đã ảnh hưởng không tốt đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Bất động sản của Công ty. Để đảm bảo các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận cũng như sự ổn định, Công ty đã nghiên cứu lựa chọn những dự án bất động sản có tính khả thi cao và phù hợp với nhu cầu của thị trường.

6.1.2.1. Các dự án Công ty đang thực hiện sau:

6.1.2.1.1. Dự án khu dân cư Vĩnh Phú

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương.
- Diện tích đất: 410.700m².

- Diện tích thương phẩm: 200.899m².
- Thời hạn hoàn thành: năm 2015.
- Tổng vốn đã đầu tư: 305,7 tỷ đồng.
- Số tiền đã thu: 314 tỷ đồng.
- Nội dung công việc hoàn thành: đã xây dựng cơ sở hạ tầng đạt 93% khối lượng toàn dự án: san lấp mặt bằng, thi công đường nội bộ, hệ thống thoát nước, cấp nước, cấp điện, hệ thống xử lý nước thải, cây xanh ... đã giao nền cho các hộ dân xây nhà ở và bàn giao giấy CNQSDĐ cho khách hàng.

6.1.2.1.2. Dự án khu dân cư Thị trấn Bến Lức giai đoạn I

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương.
- Diện tích đất: 278.209m².
- Diện tích thương phẩm: 120.071m².
- Thời hạn hoàn thành: năm 2015.
- Tổng vốn đã đầu tư: 246 tỷ đồng.
- Số tiền đã thu: 287 tỷ đồng.
- Nội dung công việc hoàn thành: Đã thi công hoàn thành 95% khối lượng của dự án với các hạng mục như: san lấp mặt bằng, thi công đường nội bộ, hệ thống thoát nước, cấp nước, cấp điện, hệ thống xử lý nước thải, cây xanh, chợ tạm ... đã giao nền và cấp giấy chứng nhận cho các hộ dân xây dựng nhà ở.

6.1.2.2. Các dự án hoãn tiến độ thực hiện

Đối với những dự án được đánh giá khó khăn về việc bán hàng sau khi phát triển, Công ty quyết định giãn tiến độ triển khai chờ sự hồi phục của thị trường, cụ thể:

- Dự án Cao ốc Văn phòng và Căn hộ PPI Tower tại Quận Thủ Đức – Tp. HCM: cao 15 tầng (7 tầng văn phòng cho thuê và 8 tầng căn hộ).
- Dự án WATER GARDEN tại Quận Thủ Đức – Tp. HCM: 2 ha, cao ốc chung cư cao 20 tầng.

6.1.3. Hoạt động kinh doanh của công ty con và công ty liên kết:

- ##### 6.1.3.1. Công ty Công ty Cổ phần BT Thủ Thừa – Bình Thành:
- Công ty Cổ phần BT Thủ Thừa – Bình Thành được thành lập để thực hiện dự án Đường Thủ Thừa – Bình Thành – Hòa Khánh, dự án này dự kiến thực hiện bắt đầu từ năm 2015 nên Công ty này chưa tạo ra doanh thu trong năm 2014.

- 6.1.3.2. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu nông sản Thái Bình Dương:** năm 2014 Công ty gần như không hoạt động nên chưa có doanh thu.
- 6.1.3.3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Kinh Bắc:** năm 2014 Công ty gần như không hoạt động nên chưa có doanh thu.
- 6.1.3.4. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình Miền Đông:** doanh thu thuần năm 2014 đạt: 52,832,814,899 đồng.
- 6.1.3.5. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thái Bình Dương:** doanh thu thuần năm 2014 đạt: 2,934,871,425 đồng.
- 6.1.3.6. Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Cửu Long:** doanh thu thuần năm 2014 đạt: 36,514,357,822 đồng.

6.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

6.2.1. Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty

Dvt: triệu đồng

Tên sản phẩm dịch vụ	2013		2014		Q1 - 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu thuần từ hoạt động bất động sản	40.025	38,63%	177.150	50,22%	3.949	4,56%
Doanh thu thuần từ hoạt động xây lắp	50.070	48,33%	146.883	41,64%	57.926	66,96%
Doanh thu thuần từ hoạt động thương mại và dịch vụ	13.511	13,04%	28.702	8,14%	24.641	28,48%
Doanh thu thuần	103.606	100%	352.735	100%	86.516	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2013, 2014 & BCTC hợp nhất quý 1/2015

Doanh thu thuần năm 2014 của Công ty tăng mạnh đến 340,46% so với năm 2013 và tăng mạnh ở tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong đó tăng mạnh nhất là doanh thu thuần từ hoạt động bất động sản (năm 2014 tăng 442,60% so với năm 2013). Trong quý 1 năm 2015, cơ cấu doanh thu thay đổi mạnh trong đó tỉ trọng doanh thu thuần từ hoạt động thương mại và dịch vụ tăng đáng kể. Do trong năm 2014, PPI thực hiện tái cấu trúc bằng cách thoái vốn và thanh lý một số dự án bất động sản. Thay vào đó PPI tập trung vào ngành nghề kinh doanh cốt lõi là hoạt động xây lắp và cung cấp dịch vụ xây dựng dẫn đến doanh thu từ hoạt động bất động sản giảm mạnh.

6.2.2. Giá vốn hàng bán

Đvt: triệu đồng

Tên sản phẩm dịch vụ	2013		2014		Q1 – 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Giá vốn của hoạt động bất động sản	21.131	25,44%	140.367	45,40%	3.474	4,48%
Giá vốn của hoạt động xây lắp	48.434	58,32%	139.392	45,09%	49.420	63,78%
Giá vốn của hoạt động thương mại và dịch vụ	13.485	16,24%	29.390	9,51%	24.591	31,74%
Giá vốn	83.050	100%	309.149	100%	77.485	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2013, 2014 & BCTC hợp nhất quý 1/2015

Giá vốn hàng bán năm 2014 của Công ty tăng mạnh đến 272,25% so với năm 2013. Tốc độ tăng của giá vốn hàng bán tăng nhanh hơn tốc độ tăng của doanh thu thuần. Trong đó tăng mạnh nhất là giá vốn hàng bán của hoạt động bất động sản (năm 2014 tăng 564,27% so với năm 2013). Trong quý 1/2015, cơ cấu giá vốn hàng bán thay đổi theo cơ cấu doanh thu vì trong năm 2014, công ty đã thực hiện tái cấu trúc, tập trung vào hoạt động kinh doanh chính là hoạt động xây lắp và cung cấp dịch vụ xây dựng.

6.3. Giá vốn hàng bán so với doanh thu thuần

Đvt: triệu đồng

Tên sản phẩm dịch vụ	2013		2014		Q1 – 2015	
	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT	Giá trị	Tỷ trọng
Giá vốn của hoạt động bất động sản	21.131	20,40%	140.367	39,79%	3.474	4,02%
Giá vốn của hoạt động xây lắp	48.434	46,75%	139.392	39,52%	49.420	57,12%
Giá vốn của hoạt động thương mại và dịch vụ	13.485	13,02%	29.390	8,33%	24.591	28,42%
Giá vốn	83.050	80,17%	309.149	87,64%	77.485	89,56%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2013, 2014 & BCTC hợp nhất quý 1/2015

Giá vốn hàng bán/doanh thu thuần trong năm 2014 tăng so với năm 2013 do tốc độ tăng của giá vốn hàng bán tăng nhanh hơn tốc độ tăng doanh thu thuần. Trong đó giá vốn hàng bán/doanh thu thuần của hoạt động bất động sản tăng mạnh, còn giá vốn hàng bán/doanh thu thuần của các hoạt động còn lại thì giảm. Trong quý 1/2015, giá vốn hàng bán so với doanh thu thuần tăng từ 87,64% đến 89,56%. Do đặc thù của ngành nghề, giá vốn của hoạt động bất động sản thường thấp hơn so với hoạt động còn lại. Nên khi công ty tái cơ cấu, tập trung vào hoạt động xây lắp và thương mại dịch vụ, tỉ trọng giá vốn trên doanh thu thuần chiếm tỉ trọng ngày càng cao qua các năm.

6.4. Lợi nhuận gộp

Đvt: triệu đồng

Tên sản phẩm dịch vụ	2013		2014		Q1 - 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lợi nhuận gộp của hoạt động bất động sản	18.894	91,92%	36.783	84,39%	475	5,26%
Lợi nhuận gộp của hoạt động xây lắp	1.636	7,96%	7.491	17,19%	8.506	94,19%
Lợi nhuận gộp của hoạt động thương mại và dịch vụ	26	0,12%	-689	-1,58%	50	0,55%
Lợi nhuận gộp	20.556	100%	43.585	100%	9.031	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2013, 2014 & BCTC hợp nhất quý 1/2015

Lợi nhuận gộp năm 2014 tăng 212,03% so với năm 2013 nhưng chậm hơn tốc độ tăng của doanh thu thuần. Trong quý 1/2015, cơ cấu lợi nhuận gộp thay đổi mạnh. Trong đó, lợi nhuận gộp của hoạt động xây lắp tăng đáng kể do thay đổi chiến lược kinh doanh tập trung vào hoạt động xây lắp.

6.5. Nguyên vật liệu

6.5.1. Nguồn nguyên vật liệu

6.5.1.1. Hoạt động xây lắp:

Nguyên vật liệu chính của hoạt động xây lắp, thi công các công trình giao thông và công trình dân dụng của Công ty là vật liệu xây dựng, được cung cấp từ hai nguồn:

- Tự khai thác và sản xuất: đất đắp, sản xuất bê tông nhựa nóng, bê tông xi măng.
- Mua ngoài: xi măng, sắt thép, cát đá xây dựng, gỗ ván, vật tư xây dựng.

Hiện tại, Công ty đã thiết lập được hệ thống các nhà cung ứng chiến lược, gắn bó và hợp tác lâu dài với Công ty trong suốt thời gian qua nhằm đảm bảo sự chủ động cũng như chất lượng nguồn nguyên vật liệu cho các dự án của Công ty.

- Một số nhà cung cấp nguyên vật liệu chính cho Công ty

Tên các nhà cung cấp	Sản phẩm
- Công ty thép Miền Nam - Công ty Thép POMINA - Công ty Cổ phần dịch vụ đường cao tốc Việt Nam - Công ty thương mại dịch vụ tổng hợp II	Sắt thép xây dựng
- Nhà máy xi măng Hà Tiên 2 - Công ty Cổ phần Thương mại Thành Công	Xi măng

Tên các nhà cung cấp	Sản phẩm
<ul style="list-style-type: none"> - Công ty Bê tông Mekong - Công ty TNHH Xây dựng Lê Phan 	Bê tông xi măng
<ul style="list-style-type: none"> - Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng BMT - Công ty TNHH Xây dựng Lê Phan - Công ty Cổ phần Xây dựng công trình giao thông và Thương mại 124 	Bê tông nhựa nóng
<ul style="list-style-type: none"> - Công ty Đá Hóa An - Công ty Cổ phần sản xuất Vật liệu xây dựng 48 - Công ty TNHH Phú Minh Hải 	Đá, cát

Nguồn: PPI

6.5.1.2. Hoạt động bất động sản

Nguyên vật liệu chính cho hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản của Công ty là quỹ đất nằm trong dự án được quy hoạch, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và công trình xây dựng trên đất (các căn hộ, các khu chợ, khu công nghiệp ...).

Chi phí của những nguồn đầu vào này chủ yếu là chi phí giải tỏa đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho người dân. Các khoản tiền đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng được xác định dựa trên khung giá đất theo quy định của Ủy Ban Nhân Dân địa phương nơi có các dự án và tùy theo từng khu vực của mỗi dự án đầu tư.

6.5.2. Sự ổn định của các nguồn cung cấp:

Nguồn cung cấp vật liệu đầu vào của Công ty nhìn chung khá ổn định. Mặc dù trong thời gian qua, thị trường vật liệu xây dựng có những biến động theo chiều hướng tăng về giá cả nhưng vẫn đa dạng về nguồn hàng, chủng loại hàng và số lượng các nhà cung cấp. Ngược lại, trong thời gian gần đây, giá cả của các loại vật liệu xây dựng có xu thế giảm trên toàn thế giới do giá dầu giảm nên các nhà sản xuất và các nhà cung cấp có xu hướng giảm giá bán tương ứng.

6.5.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Do nguyên vật liệu là yếu tố đầu vào chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu chi phí nên những biến động về giá cả nguyên vật liệu có ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận. Giá cả vật liệu xây dựng tăng làm tăng chi phí đầu vào nhưng giá bán đầu ra đã được ấn định trước hoặc không thể tăng tương ứng, do vậy đã làm tăng chi phí của hoạt động thi công xây lắp, ảnh hưởng đến chi phí thực hiện các dự án và ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của giá nguyên liệu đầu vào đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn cập nhật và dự đoán tình hình thị trường. Nếu có biến động, Công ty sẽ tiến hành thu mua nguyên vật liệu với khối lượng lớn và giá xác định tại thời điểm ký

hợp đồng. Qua đó, giúp đảm bảo sự ổn định của các nguồn cung cấp cũng như giá thu mua nguyên vật liệu.

6.5.4. Biện pháp hạn chế rủi ro về giá thành nguyên vật liệu

Nhận thức rõ rủi ro và sự ảnh hưởng lớn của giá thành nguyên vật liệu, Công ty đã có kế hoạch và biện pháp chủ động về nguồn nguyên vật liệu, cụ thể như sau:

Tìm kiếm quỹ đất tại các dự án bất động sản lớn từ chủ trương của Tp. HCM. Thực hiện một số dự án bất động sản phân lô bán nền để rút ngắn thời gian đầu tư và nhanh thu hồi vốn.

Đối với các dự án nhà ở, Công ty chủ động tìm kiếm các nhà thầu chào giá cạnh tranh đi kèm với chất lượng thực hiện công trình nhằm hạn chế rủi ro cho Công ty. Thường xuyên đánh giá, nhận định thật chính xác về năng lực cung cấp, chất lượng sản phẩm cũng như các yếu tố môi trường như địa lý, tập quán thương mại của các nhà cung cấp ...

Công ty đã có biện pháp ký hợp đồng giữ giá với các nhà cung cấp nên cũng hạn chế được sự tác động của tăng giá nguyên vật liệu tới giá thành công trình.

Đối với hoạt động xây dựng hạ tầng, phần lớn với các công trình được ký kết, yếu tố tăng giá, trượt giá trên thị trường trong thời gian thi công công trình đều được tính. Do vậy sẽ hạn chế phần nào những sự bất lợi do ảnh hưởng của sự thay đổi giá nguyên vật liệu đầu vào đem lại.

6.6. Chi phí sản xuất:

Cơ cấu các khoản mục chi phí chủ yếu của Công ty được thể hiện trong bảng sau:

Đvt: triệu đồng

Yếu tố chi phí	2013		2014		Q1 - 2015	
	Giá trị	% DT thuần	Giá trị	% DT thuần	Giá trị	% DT thuần
Giá vốn hàng bán	83.050	80,16%	309.149	87,64%	77.484	89,56%
Chi phí bán hàng	764	0,74%	403	0,11%	44	0,05%
Chi phí QLDN	6.738	6,50%	11.973	3,39%	2.295	2,65%
Chi phí tài chính	8.662	8,36%	7.146	2,03%	1.374	1,59%
Tổng	99.214	95,76%	328.671	93,17%	81.197	93,85%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2013, 2014 & BCTC hợp nhất quý 1/2015

6.6.1. Giá vốn hàng bán:

Do đặc thù kinh doanh của Công ty là xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng và bất động sản nên giá vốn hàng bán thường chiếm tỷ trọng lớn, chiếm hơn 80% doanh thu, trong đó chi phí nguyên vật liệu là chủ yếu. Vì vậy, Công ty đã xây dựng mối liên hệ với các đối tác cung cấp tin cậy nhằm có dự đoán hợp lý về sự biến động của giá cả. Đối với các công trình mà Công ty là nhà thầu, Công ty áp dụng việc sử dụng phần ứng vốn để dự trữ nguyên vật liệu từ đó tránh biến động giá.

Để kiểm soát chi phí sản xuất, Công ty đã áp dụng qui trình quản lý chi phí cho từng lĩnh vực kinh doanh cụ thể. Tại tất cả các cấp đơn vị đều có 01 bộ phận kiểm soát chi phí và việc chi tiêu vượt hạn mức phải được phê duyệt của cấp có thẩm quyền theo chế độ phân cấp ủy quyền của Công ty. Cụ thể:

- **Lĩnh vực xây dựng cầu đường:** sau khi có dự toán trúng thầu, Công ty căn cứ vào giá nguyên vật liệu và biện pháp thi công để lập dự toán thi công với mức khoán chi phí hợp lý cho các Công ty thành viên hoặc Công ty con thông qua hợp đồng kinh tế. Đối với các đội thi công thuộc Công ty, các vật liệu chủ yếu sẽ do Công ty mua cấp (gồm sắt, thép xây dựng, bê tông nhựa nóng, bê tông tươi, đá ...) dựa trên chào hàng cạnh tranh của các đối tác. Công ty chỉ khoán gọn phần nhân công sau khi đã duyệt kinh phí dựa trên số lượng nhân sự cần thiết.
- **Lĩnh vực đầu tư bất động sản:** các chi phí chủ yếu bao gồm chi phí đền bù và xây dựng hạ tầng. Chi phí đền bù được tính toán dựa trên quy định của địa phương nơi có dự án; chi phí xây dựng hạ tầng sẽ được đấu thầu cạnh tranh nhằm giảm tối đa chi phí. Tổng mức chi phí của dự án được xem xét kỹ lưỡng thông qua tư vấn, thẩm định của Ban Quản lý dự án và Phòng Kế hoạch – Dự án đầu tư.

6.6.2. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng của Công ty rất thấp, năm 2013 – quý 1/2015 dưới 1% doanh thu. Chi phí bán hàng thấp nhờ uy tín về chất lượng và tiến độ thực hiện dự án của Công ty. Thông tin về các sản phẩm và dịch vụ của Công ty được chuyển đến khách hàng thông qua việc truyền bá giữa khách hàng với nhau, thông qua việc các dự án có quy mô lớn là chính, nên giảm được các chi phí quảng bá thông tin.

Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty quý 1/2015 giảm mạnh so với 2013 và 2014, và tỷ lệ so với doanh thu thì giảm từ 3,39% xuống 2,65% do quý 1 năm 2015 doanh thu của Công ty tăng mạnh, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng giảm mạnh. Công ty vẫn xác định giữ vững bộ máy quản lý, đội ngũ nhân sự đặc biệt là các kỹ sư để đảm bảo cho định hướng phát triển của Công ty trong những năm tới.

6.6.3. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty giảm nhẹ so với doanh thu thuần, năm 2014 giảm còn 2,03% doanh thu thuần, quý 1/2015 giảm còn 1,59% do quý 1/2015, công ty vẫn duy trì việc cắt giảm khoản vay và nợ ngắn hạn. Đây là vấn đề mà Công ty đang mạnh mẽ khắc phục thông qua hàng loạt các giải pháp tái cấu trúc lại nguồn vốn như tìm kiếm cổ đông chiến lược để tăng vốn; đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ và bán hàng tồn kho tại các dự án.

6.7. Trình độ công nghệ:

Công ty PPI luôn chú trọng đầu tư vào công nghệ, các thiết bị thi công cơ giới hiện đại, chuyên dụng được nhập mới từ các nước phát triển. Ngoài ra, Công ty còn tích cực ứng dụng nhiều công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực xây dựng để tăng chất lượng cho các công trình như: Thâm mặt

đường bằng bê tông xi măng, bê tông nhựa, khoan cọc nhồi, đóng vòng vây bằng cọc ván thép, đúc hẫng cân bằng, thi công đầm I, super T, thi công trụ tháp bằng ván khuôn leo.

Các thiết bị mà Công ty đang sở hữu đảm bảo cho việc chủ động sử dụng công nghệ như: dây chuyền làm móng mặt, ván khuôn đúc hẫng, máy đóng cọc bằng công nghệ rung, ván khuôn leo.

6.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm:

Tiêu chí “An toàn và chất lượng là trên hết” luôn là mục tiêu mà Công ty quan tâm hàng đầu. Do đó, Bộ phận quản lý chất lượng của Công ty luôn chú trọng duy trì chất lượng sản phẩm tốt, tạo uy tín lâu dài thông qua việc thực hiện xây dựng đúng theo quy hoạch, giám sát, kiểm tra và nghiệm thu đúng theo qui trình quy phạm hiện hành. Việc thực hiện giám sát, kiểm tra và nghiệm thu công trình được thực hiện thông qua các Ban quản lý dự án, các Ban điều hành dự án của Công ty và các đơn vị tư vấn. Tại Công ty, các vấn đề liên quan đến quản lý chất lượng do Ban quản lý chất lượng của Công ty đảm trách. Bắt đầu từ năm 2005 đến nay, Công ty đã áp dụng quy trình chất lượng ISO 9001–2000 cho tất cả các hoạt động.

Ngoài ra, Công ty cũng đã xây dựng một bộ phận kiểm soát nội bộ. Mọi hoạt động kinh doanh, tình hình công nợ, chi phí, đầu tư ... đều được kiểm soát, đánh giá, phân tích thường xuyên và được báo cáo ở lãnh đạo cấp cao nhất của Công ty theo định kỳ, đảm bảo thực hiện đúng chính sách nội bộ. Dựa trên những đánh giá và phân tích đó, bộ phận kiểm soát nội bộ đánh giá các rủi ro có thể của Công ty và đề ra các biện pháp, quy trình thực hiện công việc để hạn chế tối đa những rủi ro có thể xảy ra.

6.9. Hoạt động Marketing:

Công ty luôn chú trọng thực hiện các hoạt động Marketing, duy trì và phát triển hệ thống khách hàng hiện có. Thông tin về các sản phẩm và dịch vụ của Công ty được chuyển đến khách hàng thông qua việc truyền bá giữa khách hàng với nhau, thông qua các dự án có quy mô lớn và thông qua các phương tiện truyền thông như báo và đài. Cụ thể:

- PPI xác định đối với lĩnh vực xây dựng cầu đường và bất động sản, tiến độ và chất lượng của các dự án và công trình có vai trò quyết định trong mọi nỗ lực Marketing. Vì vậy, việc triển khai thành công và đúng tiến độ các dự án và công trình lớn là một trong những cách Marketing tốt nhất cho Công ty đối với chủ đầu tư, với chính quyền các địa phương và đối với khách hàng.
- Tham gia các công trình lớn, trọng điểm của Nhà nước nhằm nâng cao uy tín của nhà thầu đối với chủ đầu tư cũng như đối với các Bộ, ngành, địa phương và Chính phủ.
- Hợp tác với các nhà thầu, nhà tư vấn tên tuổi để quảng bá hình ảnh của Công ty trong việc triển khai thi công các dự án, công trình.
- Tham gia các hiệp hội, hội chợ, triển lãm chuyên ngành để tìm kiếm các cơ hội đầu tư.

- Thực hiện các hoạt động quảng bá, giới thiệu hình ảnh Công ty. Đưa ra các chương trình khuyến mại sản phẩm đúng thời điểm. Phối hợp với các đối tác là bạn hàng trong việc thực hiện các chương trình quảng cáo, khuyến mại.

6.10. Nhãn hiệu thương mại:

- Nhãn hiệu Công ty:



Nhãn hiệu của Công ty đã được đăng ký tại Cục sở hữu trí tuệ: số 166161 ngày 22/01/20120.

PPI là thương hiệu uy tín trên thị trường, thể hiện thông qua hàng loạt các dự án mà PPI đã được Chủ đầu tư, đối tác tin tưởng ký kết và chất lượng công trình mà PPI đã thực hiện.

6.11. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết:

6.11.1. Các hợp đồng lớn đang thực hiện:

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Tên dự án/ Công trình	Giá trị	Thời hạn hợp đồng	Tên cơ quan ký hợp đồng
1	Đầu tư nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh (QL14) đoạn Cây Chanh – Cầu 38, tỉnh Bình Phước; Gói thầu số 7: Km896+000 – Km904+000	51.503	2014 – 2015	Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh
2	Đầu tư xây dựng đường Thủ Thừa – Bình Thành – Hòa Khánh, đoạn từ Thủ Thừa – Quốc lộ N2 (Giai đoạn 1)	407.963	2013 – 2018	Sở Giao thông vận tải Long An
3	Dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức – Long Thành; Gói thầu A1: Km0+600 – Km7+900	359.721	2015 – 2018	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và kỹ thuật Vinaconex
4	Nâng cấp ĐT 721 đoạn từ Km12+107 – Km31+300 thuộc địa phận huyện Đạ Tẻh	79.845	2010 – 2015	Trung tâm QL&KT CTCC Đạ Tẻh
5	Xây dựng tuyến N2 đoạn Củ Chi – Đức Hòa và Thạnh Hóa – Mỹ An; Gói thầu số 1A: Km0+000 – Km18+931,5	13.000	2012 - 2015	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển và Quản lý Dự án Hạ tầng Giao thông Cửu Long
	Tổng cộng	912.032		

Nguồn: Công ty PPI

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và quý 1/2015:

Đvt: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% ↑↓ so với 2013	Q1 – 2015
1	Tổng giá trị tài sản	777.368	885.198	13,87%	947.426
2	Doanh thu thuần	103.606	352.735	240,46%	86,516
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.517	24.191	435,55%	5.330
4	Lợi nhuận khác	-1.082	-1.021	5,64%	0
5	Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	-3.299	-39	98,82%	8
6	Lợi nhuận trước thuế	136	23.130	16.907,35%	5.330
7	Lợi nhuận sau thuế	107	22.917	21.317,76%	4.159
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đơn vị tính đồng)	8	1.220	15.150,00%	115
9	Tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền	0%	0%		0
10	Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu	0%	10%	1.000%	0%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2013, 2014 & BCTC hợp nhất quý 1/2015

Năm 2014 doanh thu thuần của Công ty tăng đột biến giúp cho lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm 2014 của Công ty tăng mạnh. Ngoài ra, năm 2014 phần lỗ trong công ty liên doanh liên kết rất nhỏ nên lợi nhuận trước thuế trong năm 2014 của Công ty tăng rất nhiều so với năm 2013. Trong quý 1/2015, tổng tài sản tăng nhẹ 7% so với 2014. Doanh thu thuần cũng tăng trưởng mạnh.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo:

7.2.1. Thuận lợi:

- **Tạo được niềm tin** nơi khách hàng do chất lượng công trình và tiến độ thực hiện là tiêu chí được Công ty đặt lên hàng đầu. Đây là một trong những yếu tố quan trọng giúp cho Công ty duy trì khách hàng thân thiết và thu hút thêm lượng khách hàng tiềm năng.
- Tinh thần quyết tâm cao của Ban lãnh đạo cùng với trình độ chuyên môn cao của toàn thể cán bộ nhân viên công ty và nỗ lực không ngừng cùng sự gắn kết của các công ty thành viên, đã mang lại những hiệu quả đáng kể trong sự nghiệp phát triển chung.

- Luôn chú trọng công tác quảng bá nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, xây dựng và phát triển thương hiệu.
- Đẩy mạnh liên kết liên doanh với các đối tác trong và ngoài nước nhằm tạo nguồn vốn đầu tư, tạo bước đệm vững chắc đưa doanh nghiệp đi lên trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển bùng nổ trong tương lai gần.

7.2.2. Khó khăn:

- Quy mô vốn của Công ty còn nhỏ, chưa đáp ứng được nhu cầu đầu tư theo chiến lược phát triển của Công ty. Từ đó phải dựa vào các nguồn vốn vay và vốn liên doanh, đòi hỏi nhiều công sức để huy động vốn cho các dự án và phải chịu áp lực với chi phí sử dụng vốn vay từ các tổ chức tài chính tín dụng.
- Chi phí đền bù, giải tỏa mặt bằng tăng do thời gian kéo dài, giá đền bù tăng cao nhiều nơi không thể thỏa thuận được dẫn đến không thể triển khai được dự án.
- Xu hướng tăng giá nguyên vật liệu đầu vào trên thị trường dẫn đến tăng chi phí, giá vốn hàng bán, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Thị trường địa ốc giao dịch chưa sôi động gây ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ các sản phẩm đầu ra của Công ty.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành:

Là một là thành viên Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 1 (Cienco 1), PPI có hơn 20 năm kinh nghiệm và được biết đến như một thương hiệu hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng cầu đường. Công ty đã tham gia thi công nhiều dự án trọng điểm quốc gia với vai trò Tổng thầu, BT ... như Quốc lộ 1A, Quốc lộ 51, Quốc lộ 54, Quốc lộ 14, Quốc lộ 62, Quốc lộ 20, Quốc lộ 2, Quốc lộ 53, Đường Hồ Chí Minh, đường cao tốc Cầu Giẽ – Ninh Bình, cao tốc Tp. HCM – Trung Lương, cao tốc Nội Bài – Lào Cai, đường sắt Thống Nhất, cầu Ông Lãnh – Tp. HCM, các đường địa phương ở Tỉnh Long An, Đồng Tháp, Bình Dương, Lâm Đồng.

Với chiến lược phát triển lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là Hạ tầng giao thông, hiện Công ty là chủ đầu tư dự án BT Đường Thủ Thừa – Bình Thành (Tỉnh Long An) thành phần 1 với chiều dài 16km, tổng mức đầu tư 424 tỷ đồng, thời gian thi công 2013 – 2015; Trong những năm tới, chiến lược của Công ty là tiếp tục phát triển, mở rộng các lĩnh vực này nhằm giữ vững vị trí dẫn đầu, tiến tới là Tổng thầu, BT, BOT các dự án giao thông đô thị lớn.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành:

Trong những năm qua, hệ thống kết cấu hạ tầng của Việt Nam đã có nhiều bước phát triển để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh tế tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế, lạc hậu, thiếu đồng bộ, thiếu tính kết nối và là điểm nghẽn của quá trình phát triển. Đặc biệt là cơ sở hạ tầng nông thôn, các tỉnh miền núi và đồng bằng sông Cửu Long phát triển chậm, chưa đồng đều. Nhiều

công trình chậm tiến độ, kém chất lượng, chi phí cao. Vì vậy Nghị quyết số 13 Trung Ương đã được ban hành với định hướng đẩy mạnh đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng với các mục tiêu sau:

- Ưu tiên nâng cấp Quốc lộ 1A, hoàn thành phần lớn vào năm 2015 và hoàn thành toàn tuyến vào năm 2020. Duy tu, nâng cấp các tuyến quốc lộ. Đầu tư và nối thông tuyến Đường Hồ Chí Minh và nâng cấp đoạn qua Tây Nguyên. Đầu tư các tuyến có hạ tầng yếu kém trên tuyến đường ven biển. Nối thông tuyến đường biên giới phía Bắc, phía Tây, Tây Nam. Nâng cấp một số tuyến giao thông hành lang kinh tế Đông Tây.
- Ưu tiên đầu tư một số đoạn đường bộ cao tốc tuyến Bắc Nam, tuyến nối Hà Nội – TP. HCM với mục tiêu hoàn thành 600km và 2.000km đường cao tốc vào năm 2015 và 2020.
- Ưu tiên đầu tư nâng cấp các công trình giao thông quan trọng trong hệ thống giao thông của khu vực phía Bắc, Tây Bắc và vùng đồng bằng sông Cửu Long.
- Đẩy mạnh thu hút vốn ODA và các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư phát triển hạ tầng, ưu tiên bố trí vốn đối ứng và tháo dỡ khó khăn để đẩy nhanh tiến độ giải ngân, hoàn thành dự án, hoàn thiện cơ chế khuyến khích đầu tư theo hình thức BT, PPP, BOT. Cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo thông thoáng, thuận lợi và giảm chi phí cho các nhà đầu tư.

Trong năm 2014, Bộ Giao thông vận tải sẽ khởi công xây dựng 35 công trình và hoàn thành 58 dự án lớn. Riêng các dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1 và Đường Hồ Chí Minh đoạn qua khu vực Tây Nguyên sẽ phần đầu hoàn thành vào năm 2016. Bên cạnh đó, Bộ Giao thông vận tải sẽ tập trung chỉ đạo các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ công trình, đặc biệt các công trình trọng điểm như dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1, Đường Hồ Chí Minh đoạn qua khu vực Tây Nguyên, các dự án đường cao tốc ... nên tiềm năng tăng trưởng ngành là rất lớn.

8.3. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Chiến lược của PPI trong những năm tới sẽ toàn lực tập trung phát triển mạnh hoạt động xây dựng hạ tầng, doanh thu của Công ty sẽ chủ yếu đến từ các công trình có nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách Địa phương. Công ty sẽ giữ vững các thị trường truyền thống như: Long An, Bình Dương, Lâm Đồng đồng thời phát triển thêm những thị trường mới và tiến tới nâng cao vị thế Công ty và tỷ suất sinh lời bằng cách tham gia các dự án với vai trò là chủ đầu tư hoặc tổng thầu. Mục tiêu sản lượng xây dựng các công trình giao thông năm 2015 và 2016 lần lượt đạt 720 tỷ và 860 tỷ.

Chiến lược của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành Giao thông vận tải, chính sách của Nhà nước, xu thế phát triển chung của Thế giới và phù hợp với năng lực và các ưu thế vượt trội của Công ty như:

- Hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành xây dựng giao thông, hoàn thành hàng trăm km đường cao tốc, Quốc lộ, Tỉnh lộ có giá trị lớn.
- Máy móc, trang thiết bị hiện đại, đồng bộ.
- Đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm, chuyên môn với hơn 80 kỹ sư xây dựng là các giám đốc dự án, chỉ huy trưởng công trình, đội trưởng, kỹ sư giám sát chất lượng và hơn 100 công nhân lành nghề.
- Sản phẩm xây lắp của Công ty luôn được các chủ đầu tư đánh giá cao về chất lượng và tiến độ.
- Có mối quan hệ lâu dài, gắn bó với các cơ quan bộ ngành (Bộ Giao Thông Vận Tải, Tổng Cục Đường Bộ, Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường Cao Tốc, Ban quản lý dự án công trình giao thông các Tỉnh, Thành phố) trong việc phối hợp triển khai các công trình giao thông, hạ tầng.
- Thương hiệu uy tín với bằng khen đơn vị dẫn đầu thi đua ngành Giao thông Vận tải năm 2009, nằm trong Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2010 và được Thời báo Kinh Tế bình chọn là doanh nghiệp vàng năm 2011.

9. Chính sách đối với người lao động:

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty:

- Tính đến 20/01/2015 tổng số nhân viên của PPI là 56 người, trong đó:

Thống kê trình độ	Số lượng	Tỷ lệ
Trên đại học	04	7,14%
Đại học	32	57,14%
Cao đẳng trung cấp	01	1,79%
Công nhân khác	19	33,93%
Tổng cộng	56	100,00%

9.2. Chính sách đối với người lao động:

- Mặc dù tình hình kinh doanh hết sức khó khăn, nhiều doanh nghiệp phải cắt giảm chi phí, tái cấu trúc nhân sự để tồn tại. Tuy nhiên, Công ty luôn cố gắng duy trì và đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho CB-CNV.
- Một số chỉ tiêu:
 - Thu nhập bình quân CB-CNV: 10.560.000. đồng/tháng.
 - Chính sách bảo hiểm xã hội của người lao động (NLD): 100% lao động được Công ty thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội.

- Chế độ phúc lợi của NLD: PPI luôn là đơn vị làm tốt trong công tác chăm lo, bảo vệ quyền lợi cho người lao động. Ngoài việc luôn quan tâm vận động CB-CNV PPI học tập và nâng cao toàn diện các mặt: tư tưởng, đạo đức, lối sống, tác phong, chuyên môn – nghiệp vụ ... Ban Lãnh Đạo Công ty còn kết hợp các đoàn thể chăm lo nhiều chính sách cho CB-CNV như tổ chức khám sức khỏe định kỳ, thăm hỏi CB-CNV hoặc thân nhân ốm đau, bệnh tật; chúc mừng và tặng quà cho CB-CNV nhân dịp sinh nhật, lễ, tết, ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, Quốc tế Phụ nữ.
- Ngoài ra để nâng cao thêm đời sống tinh thần của CB-CNV, PPI cũng thường xuyên được tạo điều kiện giao lưu, phát huy năng khiếu thông qua nhiều hình thức như tổ chức ngày hội gia đình, ngày hội trăng rằm cho CB-CNV cùng gia đình tham dự; tổ chức thi đấu thể dục thể thao, tham gia liên hoan văn nghệ do các ngành và đơn vị bạn tổ chức.
- Công ty cũng tổ chức tốt công tác tương trợ giúp đỡ lẫn nhau; các công tác ủng hộ đồng bào lũ lụt, ủng hộ vì người nghèo, quỹ khuyến học, hội chữ thập đỏ. Vận động và ủng hộ CBCNV tham gia các hoạt động văn hoá, thể dục thể thao do ban ngành phát động.

9.3. Chính sách đào tạo:

- Tại PPI, công tác đào tạo, phát triển nguồn lực vẫn được duy trì thường xuyên và liên tục. Việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực được thực hiện hàng năm. Mỗi năm có tổng hợp kết quả, đánh giá kết quả đào tạo thông qua hiệu quả công tác thực tế của CB-CNV tham gia đào tạo.
- Căn cứ kế hoạch và chương trình đào tạo hàng năm. Nhiều CB-CNV PPI được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn hoặc dài hạn liên quan đến lĩnh vực chuyên môn công tác như: quản lý dự án, quản lý tài chính, quản trị nhân sự, kiểm soát nội bộ, IT, Marketing, và Kinh doanh ... Đối với các hoạt động bán hàng, ngoài kiến thức quản trị chính, Công ty còn tạo điều kiện cho nhân viên thường xuyên tham gia các khóa học bổ sung kiến thức về phong thủy, thẩm định giá, văn hóa kinh doanh ... để làm tốt hơn công tác tiếp thị, bán hàng, nâng cao kỹ năng giao thiệp và thuyết phục khách hàng ở mức cao nhất.
- Nhờ chính sách đào tạo tốt, Công ty đã tạo dựng được một đội ngũ đông đảo nhân viên giỏi chuyên môn, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, năng động sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập, và thích ứng trong mọi môi trường làm việc. Song song đó Công ty cũng có cơ sở bố trí nhân sự đúng người, đúng việc, phù hợp khả năng trình độ của từng người, khuyến khích người lao động phát huy hết tiềm năng.

10. Chính sách cổ tức:

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua các năm, chính sách phân phối cổ tức của Công ty như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định trả cổ tức bằng cổ phần phổ thông thay cho tiền mặt.
- Hội đồng cổ đông có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả cổ tức này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Tình hình phân phối cổ tức 2010 – 2014

Năm	Tỷ lệ chi trả	Hình thức
2009	15%	Tiền mặt
2010	10%	Cổ phiếu
2011	5%	Cổ phiếu
2012	-	-
2013	-	-
2014	10%	Cổ phiếu

11. Tình hình hoạt động tài chính:

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản:

11.1.1. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán tại thời điểm 31/12/2013, 31/12/2014 và 31/3/2015, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

11.1.2. Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty tính và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế, phí khác theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản theo quy định của Nhà nước. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước vào thời điểm 31/12/2013; 31/12/2014 và quý I/2015 như sau:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Q1 - 2015
Thuế giá trị gia tăng	2.121	1.836	1.836
Thuế thu nhập cá nhân	258	399	192
Tổng cộng	2.379	2.235	2.028

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC hợp nhất quý I/2015.

11.1.3. Tổng dư nợ vay (triệu đồng):

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Q1 - 2015
Vay và nợ ngắn hạn.	280.209	218.635	210.874
Nợ dài hạn đến hạn trả.	17.158	38.182	37.251
Vay và nợ dài hạn.	62.929	71.544	101.191

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2013, 2014 & BCTC hợp nhất quý I/2015

11.1.4. Tình hình công nợ hiện nay (triệu đồng):

Các khoản phải thu:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Q1 - 2015
Phải thu từ khách hàng.	141.727	301.544	322.524
Trả trước cho người bán.	67.904	99.785	101.318
Các khoản phải thu khác.	12.494	19.083	83.837
Tổng cộng	222.125	420.412	507.679

Ghi chú: Các chỉ tiêu có giá trị khác biệt giữa năm 2014 và năm 2015 do thay đổi chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng theo thông tư 200/2014/TT-BTC

Các khoản phải trả:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Q1 - 2015
Nợ ngắn hạn.	448.113	476.748	373.894
Vay và nợ ngắn hạn	297.368	256.817	248.126
Phải trả người bán ngắn hạn	59.924	62.667	39.835
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	9.999	57.593	937
Thuế và các khoản phải trả nhà nước	2.379	2.235	2.077
Phải trả người lao động	41	3.097	2.875
Chi phí phải trả	36.261	68.215	78.325
Các khoản phải trả khác	40.380	24.465	545
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	1.761	1.659	1.174
Nợ dài hạn.	62.929	71.544	232.557
Phải trả dài hạn cho người bán	-	-	33.636
Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	70.723
Phải trả dài hạn khác	-	-	27.008
Vay và nợ dài hạn	62.929	71.544	101.190
Tổng cộng	511.042	548.292	606.451

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2013, 2014 & BCTC hợp nhất quý 1/2015

Ghi chú: Các chỉ tiêu có giá trị khác biệt giữa năm 2014 và năm 2015 do thay đổi chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng theo thông tư 200/2014/TT-BTC

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Q1 - 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần):			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,68 lần	1,81 lần	0,26 lần
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,62 lần	1,01 lần	0,22 lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%):			
Tỷ số Nợ/Tổng tài sản	65,74%	61,94%	64,01%
Tỷ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	191,89%	162,74%	177,86%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần):			
Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,13 lần	0,40 lần	0,09 lần
Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	0,19 lần	0,73 lần	0,19 lần
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%):			
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,10%	6,50%	4,81%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,04%	6,80%	1,22%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,01%	2,59%	0,44%
Tỷ suất Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	4,36%	6,86%	6,16%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	8 đồng	1.220 đồng	115 đồng

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2013, 2014 & BCTC hợp nhất quý 1/2015

Ghi chú: Các chỉ số có sự khác biệt lớn giữa năm 2014 và năm 2015 do thay đổi chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

- Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty là chấp nhận được, cả hai năm đều lớn hơn 1 lần nhưng nhỏ hơn 2 lần. Hệ số thanh toán nhanh của Công ty năm 2013 thấp vì nhỏ hơn 1 lần nhưng qua năm 2014 đã được cải thiện lớn 1 lần. Trong quý 1/2015, hệ số thanh toán ngắn hạn có sự thay đổi mạnh do thay đổi chế độ kế toán doanh nghiệp. Trong đó chỉ tiêu hàng tồn kho, phải trả trước cho người bán ngắn hạn và khoản phải thu khách hàng giảm đáng kể.

- Tỷ số Nợ/Tổng tài sản (lớn hơn 50%) và Tỷ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (lớn hơn 100%) của Công ty đều ở mức chấp nhận được. Các tỷ số của năm 2014 tốt hơn năm 2013. Tuy nhiên trong quý 1/2015, cơ cấu nợ tăng do nợ dài hạn tăng mạnh.
- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty ở mức thấp, do đặc thù của ngành xây dựng và kinh doanh bất động sản, các chỉ số này thường thấp hơn các ngành khác. Ngoài ra trong những năm qua bị ảnh hưởng của tình hình kinh tế làm cho hoạt động của Công ty bị ảnh hưởng nên chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty không được cao. Nhưng các chỉ tiêu này được cải thiện tốt hơn trong năm 2014 do tình hình kinh tế năm 2014 ổn định và tích cực hơn năm 2013. Vào quý 1/2015, các chỉ số này giảm đáng kể phần lớn do thay đổi chế độ kế toán, cách hoạch toán doanh thu có sự thay đổi so với 2014, và do thay đổi chiến lược kinh doanh.
- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty ở mức thấp do bị ảnh hưởng của tình hình kinh tế làm cho hoạt động của Công ty gặp khó khăn nên chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty bị thấp. Nhưng các chỉ tiêu này được cải thiện tốt hơn trong năm 2014 do tình hình kinh tế năm 2014 ổn định và tích cực hơn năm 2013. Quý 1/2015 chỉ số sinh lời giảm nhẹ so với 2014 vì PPI tập trung thay đổi chiến lược kinh doanh.

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:

12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

Chức vụ	Tên	Năm sinh	CMND
Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc	Phạm Đức Tấn	1945	023451654
Thành viên kiêm Phó tổng giám đốc	Phạm Đức Trung	1978	024257657
Thành viên	Nguyễn Vũ Bảo Hoàng	1976	022953189
Thành viên kiêm Phó tổng giám đốc	Đặng Văn Phúc	1972	024937922
Thành viên	Nguyễn Anh Phương	1984	182559665



Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc

Họ và tên: **Phạm Đức Tấn**

Giới tính: **Nam**

Ngày tháng năm sinh:	01/07/1945
Nơi sinh:	Hà Nội
CMND:	Số 023451654 Ngày cấp: 30/08/2007 Nơi cấp: CA Tp.HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	20/3 Đinh Bộ Lĩnh, P. 24, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM
Số điện thoại liên lạc:	
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư kinh tế xây dựng
Quá trình công tác:	
+ 1980 – 1987	Phó Giám đốc Công ty Xây dựng công trình 120 – Cienco 1
+ 1987 – 2004	Giám đốc Chi nhánh Công ty Xây dựng công trình 120, Giám đốc Công ty Xây dựng công trình 135 – Cienco 1
+ 2004 đến nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 135 (nay là: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương)
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành:	Chủ tịch HĐQT – kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương (PPI)
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Cửu Long (Công ty thành viên của PPI). Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thái Bình Dương (Công ty thành viên của PPI). Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần BT Thủ Thừa – Bình Thành (Công ty con của PPI). Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thái Bình Dương (Công ty thành viên của PPI). Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình Miền Đông (Công ty thành viên của PPI).
Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2014):	3.004.832 cổ phần chiếm 12 % số lượng cổ phần lưu hành
+ Đại diện sở hữu:	0
+ Cá nhân sở hữu:	3.004.832 cổ phần, chiếm 12 % số lượng cổ phần lưu hành
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Con: Phạm Thị Lan Hương, nắm giữ 17 cổ phần, chiếm 0,00% số lượng cổ phần lưu hành. Em: Phạm Thị Thủy, nắm giữ 493.180 cổ phần, chiếm 2%

số lượng cổ phần lưu hành.

Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Có quyền lợi như cổ đông của Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không



Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

Họ và tên:	Phạm Đức Trung
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	18/8/1978
Nơi sinh:	Hà Nội
CMND:	Số 024257657 Ngày cấp: 24/07/08 Nơi cấp: CA. Tp. HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	57 Đường D5, P. 25, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM
Số điện thoại liên lạc:	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
+ 2004 – 2007	Chuyên viên Phòng kinh doanh dự án – Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương (PPI)
+ 2008 – 2010	Giám đốc sàn giao dịch Bất động sản – Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương (PPI)
+ 2010 – 2011	Trưởng Phòng kinh doanh - Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương (PPI)
+ 2011 – 04/2012	Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương (PPI)

+ 04/2012 đến nay	Thành viên HĐQT – kiêm Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương)
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành:	Thành viên HĐQT – kiêm Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thái Bình Dương (Công ty thành viên của PPI). Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh bất động sản Thái Sơn.
Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2014):	0 cổ phần, chiếm 0% số lượng cổ phần lưu hành
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Cha: Phạm Đức Tấn, nắm giữ 3.004.832 cổ phần, chiếm 12 % số lượng cổ phần lưu hành. Chị: Phạm Thị Lan Hương, nắm giữ 17 cổ phần, chiếm 0% số lượng cổ phần lưu hành
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Có quyền lợi như cổ đông của Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không



Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:	Nguyễn Vũ Bảo Hoàng
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	18/10/1976
Nơi sinh:	Thành phố Hồ Chí Minh
CMND:	Số 022953189 Ngày cấp: 14/09/2007 Nơi cấp: TP. HCM

Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	144/6 Khu phố 2, Bình Triệu, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, Tp. HCM
Số điện thoại liên lạc:	
Trình độ chuyên môn:	Tiến sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
+ 1995 – 2005	Học và làm việc tại Sydney – Australia
+ 2005 – 05/2010	Giám đốc kinh doanh tiếp thị – Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức
+ 06/2010 – 02/2012	Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức
+ 02/2012 đến nay	Thành viên HĐQT – kiêm Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức
+ 2008 đến nay	Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần phát triển Hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương)
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành:	Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần phát triển Hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương)
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	<p>Thành viên HĐQT – kiêm Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức.</p> <p>Phó chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Đầu tư Ngôi sao Gia Định.</p> <p>Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xúc tiến thương mại Hiệp hội Doanh nghiệp Tp. HCM.</p> <p>Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần ThuDuc House Wood Trading.</p> <p>Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Daewon Thủ Đức.</p> <p>Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Bến Thành.</p> <p>Giám đốc – Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh chợ nông sản Thủ Đức.</p>
Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm)	2.054.050 cổ phần, chiếm 8,2% số cổ phần đang lưu

31/12/2014):	hành
+ Đại diện sở hữu:	2.000.000 cổ phần, chiếm 8% số cổ phần đang lưu hành
+ Cá nhân sở hữu:	54.050 cổ phần, chiếm 0,2% số cổ phần đang lưu hành
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Có quyền lợi như cổ đông của Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không



Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

Họ và tên:	Đặng Văn Phúc
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	01/06/1972
Nơi sinh:	Nam Hồng, Nam Trực, Nam Định
CMND:	Số 024937922 Ngày cấp: 07/01/2010 Nơi cấp: CA Tp. HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 55 Đường số 8, Khu phố 5, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, Tp. HCM
Số điện thoại liên lạc:	
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh (MBA)
Quá trình công tác:	
+ 1995 – 1999	Kế toán Chi nhánh Công ty Xây dựng Công trình 120
+ 2000 – 2004	Kế toán trưởng, Phó Giám đốc Công ty Xây dựng Công trình giao thông 135
+ 2004 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị – kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 135 (nay

là: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương)

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành:	Thành viên Hội đồng quản trị – kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Chủ tịch HĐQT – kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thái Bình Dương (Công ty thành viên của PPI). Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Kinh Bắc (Công ty thành viên của PPI).
Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2014):	5 cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần lưu hành
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu:	5 cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần lưu hành
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Có quyền lợi như cổ đông của Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không



Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:	Nguyễn Anh Phương
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	02/05/1984
Nơi sinh:	Hung Đông – Vinh – Nghệ An
CMND:	Số 182559665 Ngày cấp: 23/06/2000 Nơi cấp: Nghệ An
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh

Địa chỉ thường trú:	Hưng Đông – Vinh – Nghệ An
Số điện thoại liên lạc:	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
+ 10/2007 – 05/2010	Công tác tại Công ty chứng khoán Quốc Tế (VIS) – Môi giới, kiểm soát viên
+ 05/2010 – 04/2011	Công ty chứng khoán Martitime Bank – Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu
+ 04/2011 – 03/2013	Công ty chứng khoán Golden Brigde VN – Phó giám đốc chi nhánh Hồ Chí Minh
+ 04/2013 – 05/2013	Công ty chứng khoán Châu Á – Giám đốc môi giới
+ 06/2013 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị – Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành:	Thành viên Hội đồng quản trị – Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2014):	0 cổ phần
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

12.1. Danh sách Ban Kiểm soát:

Chức vụ	Tên	Năm sinh	CMND
Trưởng ban	Hà Hữu Khương	1983	250569844
Thành viên	Nguyễn Minh Giang	1980	012100700
Thành viên	Bùi Mạnh Hùng	1975	024904988



Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên:	Hà Hữu Khương
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	30/10/1983
Nơi sinh:	Thanh Hóa
CMND:	Số 250569844 Ngày cấp: 10/10/2000 Nơi cấp: CA Tỉnh Lâm Đồng
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Thôn 8, Xã Tân Châu, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng
Số điện thoại liên lạc:	
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế xây dựng
Quá trình công tác: + 11/2006 đến nay	Công tác tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành:	Trưởng Ban kiểm soát, Trưởng phòng phát triển dự án – Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2014):	3.450 cổ phần, chiếm 0,01% số lượng cổ phần lưu hành
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu:	3.450 cổ phần, chiếm 0,01% số lượng cổ phần lưu hành
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Có quyền lợi như cổ đông của Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không



Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên:	Nguyễn Minh Giang
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	12/07/1980
Nơi sinh:	Đốc Lã, Yên Thường, Gia Lâm, Tp. Hà Nội
CMND:	Số 012100700 Ngày cấp: 23/07/2011 Nơi cấp: TP. Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Đốc Lã, Yên Thường, Gia Lâm, Tp. Hà Nội
Số điện thoại liên lạc:	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
+ 2004 – 2006	Thống kê – kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 135
+ 2007 – 2008	Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Vàm Cỏ Tây
+ 2009 – 2012	Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thái Bình Dương (Công ty thành viên của PPI)
+ 2012 – 05/2013	Phó giám đốc – Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu nông sản Thái Bình Dương
+ 05/2013 – 3/2014	Phó giám đốc – kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần BT Thủ Thừa – Bình Thành
+ 05/2014 đến nay	Phó giám đốc – kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Cửu Long
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành:	Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Phó giám đốc – kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Cửu Long.
Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm)	6 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ

31/12/2014):

+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu:	6 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Có quyền lợi như cổ đông của Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không



Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên:	Bùi Mạnh Hùng
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	22/04/1975
Nơi sinh:	Thái Bình
CMND:	Số 024904988 Ngày cấp: 19/3/2008 Nơi cấp: CA. Tp. HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	23/1/2B2, Đường 27, Khu phố 9, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
Số điện thoại liên lạc:	
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư xây dựng cầu đường
Quá trình công tác:	
+ 1997 – 2006	Nhân viên phòng Kế hoạch Kỹ thuật Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 135
+ 2006 – 2008	Trưởng phòng Kế hoạch Kỹ thuật Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 135 (nay là: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương)
+ 2008 – 2009	Phó giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Pacico

+ 2009 – 2013	Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Việt
+ 2013 – 05/2014	Chuyên viên kế hoạch – kỹ thuật tại Tổng Công ty Phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)
+ 06/2014 – 02/2015	Phó giám đốc Công ty Cổ phần BT Thủ Thừa – Bình Thành
+ 02/2015 đến nay	Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Cửu Long
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành:	Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Cửu Long
Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2014):	0 cổ phần
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

12.2. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng:

Chức vụ	Tên	Năm sinh	CMND
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Phạm Đức Tấn	1945	023451654
Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc	Phạm Đức Trung	1978	024257657
Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc	Đặng Văn Phúc	1972	024937922
Phó Tổng giám đốc	Đặng Xuân Hùng	1974	025008162
Phó Tổng giám đốc	Nguyễn Ngọc Hân	1979	281149664
Phó Tổng giám đốc	Trần Văn Hiền	1966	011355730
Kế toán trưởng	Tô Thị Thúy Hà	1967	021582594

12.1.1.1. Tổng Giám Đốc : Ông Phạm Đức Tấn – Xem phần Chủ tịch HĐQT

12.1.1.2. Phó Tổng Giám Đốc: Ông Phạm Đức Trung – Xem phần Thành viên HĐQT

12.1.1.3. Phó Tổng Giám Đốc: Ông Đặng Văn Phúc – Xem phần Thành viên HĐQT

12.1.1.4. Phó Tổng Giám Đốc: Ông Đặng Xuân Hùng



Họ và tên: **Đặng Xuân Hùng**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 21/9/1974

Nơi sinh: Hải Phòng

CMND: Số 025008162 Ngày cấp: 08/07/2008 Nơi cấp: CA TP. HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 22/2 Đường 50, Khu phố 8, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, Tp. HCM

Số điện thoại liên lạc:

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường

Quá trình công tác:

+ 1997 – 1999 Cán bộ kỹ thuật – Chi nhánh Công ty Xây dựng Công trình 120

+ 1999 – 2003 Phó ban Kinh tế kỹ thuật – Chi nhánh công ty Xây dựng Công trình 120

+ 2003 – 2005 Trưởng phòng Kinh tế kỹ thuật – Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 135

+ 2005 đến nay Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 135 (nay là: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương)

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình Miền Đông.
Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần BT Thủ Thừa – Bình Thành.

Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2014): 29 cổ phần chiếm 0,0001% số lượng cổ phần lưu hành

+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu:	29 cổ phần chiếm 0,0001% số lượng cổ phần lưu hành
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Có quyền lợi như cổ đông của Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

12.1.1.5. Phó Tổng Giám Đốc: Ông Nguyễn Ngọc Hân



Họ và tên:	Nguyễn Ngọc Hân
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	05/10/1979
Nơi sinh:	Tiền Giang
CMND:	Số 281149664 Ngày cấp: 04/12/2012 Nơi cấp: CA Bình Dương.
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	11 Đường 13, KP 2, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
Số điện thoại liên lạc:	0903.825.147
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
+ 12/2001 – 06/2007	Kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 135
+ 07/2007 – 2010	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình Miền Đông
+ 2011 – 12/2012	Phụ trách Phòng Tài chính – Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương
+ 12/2012 đến nay	Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển

	dự án hạ tầng Thái Bình Dương
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành:	Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thái Bình Dương.
Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2014):	8 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần lưu hành.
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu:	8 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần lưu hành
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Có quyền lợi như cổ đông của Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

12.1.1.6. Phó Tổng Giám Đốc: Ông Trần Văn Hiến



Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên:	Trần Văn Hiến
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	06/11/1966
Nơi sinh:	Xã Đức Lý, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam
CMND:	Số 011355730 cấp ngày 10/12/2013 nơi cấp CA. Tp. Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 18, Tập thể 134, Tổ 20B, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Số điện thoại liên lạc:	0913571769
Trình độ chuyên môn:	Đại học giao thông vận tải – chuyên ngành xây dựng đường

Quá trình công tác:

+ 1989 – 1992	Làm việc tại phòng kỹ thuật Công ty Công trình giao thông 134
+ 1992 – 1996	Làm việc tại Ban điều hành dự án ADB4 từ Văng Viêng – Luông Pha Băng (Lào)
+ 1996 – 1998	Làm việc tại Phòng kỹ thuật Công ty Công trình giao thông 134
+ 1998 – 2000	Phó phòng kỹ thuật Ban điều hành dự án ADB2 – N3
+ 2000 – 2001	Phó giám đốc Ban điều hành dự án V2 (Vinh – Đông Hà)
+ 2001 – 2004	Giám đốc Ban điều hành dự án Lào Cai – Cam Đường
+ 2004 – 2008	Giám đốc Công ty TNHH BOT đường tránh Thanh Hóa
+ 2008 – 2009	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần BOT đường tránh Thanh Hóa
+ 2009 – 03/2014	Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng 18. Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng hạ tầng Thành An
+ 03/2014 – 07/2014	Phó giám đốc công ty TNHH BOT & BT Quốc lộ 20
+ 07/2014 – 09/2014	Giám đốc Công ty Cổ phần BT Thủ Thừa – Bình Thành
+ 10/2014 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương. Giám đốc Công ty Cổ phần BT Thủ Thừa – Bình Thành.
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành:	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Giám đốc Công ty Cổ phần BT Thủ Thừa – Bình Thành
Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2014):	0 cổ phần
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

12.1.1.7. Kế toán trưởng: Bà Tô Thị Thúy Hà

Họ và tên:	Tô Thị Thúy Hà
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	22/09/1967
Nơi sinh:	Thanh Hóa
CMND:	Số 021582594 Ngày cấp: 18/12/2014 Nơi cấp: CA. Tp. HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	51C Huỳnh Khương Ninh, P. Đakao, Q.1, Tp. HCM
Số điện thoại liên lạc:	(08) 37269701
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
+ 1989 – 10/2004	Kế toán – Công ty Xuất nhập khẩu Lâm nông sản Sài Gòn
+ 11/2004 – 06/2005	Kế toán trưởng – Công ty TNHH Long Toàn
+ 07/2005 – 09/2007	Kế toán – Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 135
+ 10/2007 đến nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 135 (nay là: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương)
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần BT Thủ Thừa – Bình Thành
Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2014):	02 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần lưu hành
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần

- + Cá nhân sở hữu: 02 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần lưu hành
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Có quyền lợi như cổ đông của Công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

13. Tài sản:

13.1. Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31/3/2015 (đvt: triệu đồng)

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I. Tài sản cố định hữu hình	24.414	6.193	18.221
Nhà cửa, vật kiến trúc	5.918	1.928	3.990
Máy móc thiết bị	15.234	3.180	12.054
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.121	949	2.172
Thiết bị văn phòng	141	136	5
II. Tài sản cố định vô hình	4.770	0	4.770
Quyền sử dụng đất	4.770	0	4.770
Tổng cộng	29.184	6.193	22.991

13.2. Thông tin tài sản là nhà cửa kiến trúc

Stt	Tên Tài sản	Diện tích	Hiện trạng	Pháp lý
1	Trụ sở	363m ²	Văn phòng làm việc	Là chủ sở hữu theo GCNQSDĐ số 00438/3B/QSDĐ/4007/UB ngày 22/12/1998 của UBND TP.HCM
2	Trụ sở mở rộng	334 m ²	Văn phòng làm việc	Là chủ sở hữu theo GCNQSHNỐ & QSDĐỐ số 191/2008/GCN-QSHNỐ & QSDĐỐ ngày 04/08/2008 của UBND TP.HCM

Stt	Tên Tài sản	Diện tích	Hiện trạng	Pháp lý
3	Trụ sở Bình Triệu		Nhà ở CNV	Thuê sử dụng

Nguồn: Công ty PPI

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức:

14.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2015 – 2016:

Trong giai đoạn 2015 – 2016, Công ty đặt trọng tâm vào phát triển hoạt động công trình giao thông với sản lượng xây lắp, thi công tăng trưởng ít nhất 20%. Công ty sẽ không phát triển thêm dự án bất động sản mới mà chỉ tập trung hoàn thiện các dự án còn dở dang để đẩy nhanh tiến độ bán hàng và thu tiền.

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận được xây dựng dựa trên giả định mức vốn điều lệ 250 tỷ và nguồn lợi nhuận giữ lại qua các năm. Với năng lực, kinh nghiệm sẵn có, nếu Công ty có những nguồn vốn bổ sung, kết quả hoạt động kinh doanh sẽ có những bước đột phá lớn.

Năm 2015 – 2016, tỷ lệ chia cổ tức là 10%.

Kế hoạch sản lượng, doanh thu, lợi nhuận giai đoạn 2015 – 2016

Đvt: triệu đồng

Stt	Hạng mục chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
A	Sản lượng xây lắp và vốn đầu tư	1.185.000	1.298.000
1	Các công trình giao thông	916.000	1.194.000
2	Dự án đầu tư bất động sản	269.000	104.000
B	Doanh thu	1.006.000	1.172.000
1	Các công trình giao thông	883.000	1.085.000
2	Dự án đầu tư bất động sản	123.000	87.000
C	Lợi nhuận trước thuế	113.000	137.000
D	Tỷ lệ chi trả cổ tức	10%	10%

Nguồn: Công ty PPI

14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

14.2.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015:

14.2.1.1. Kế hoạch sản lượng xây lắp và vốn đầu tư năm 2015

14.2.1.1.1. Hạ tầng giao thông năm 2015: sản lượng 916 tỷ đồng, cụ thể:

14.2.1.1.1.1 Các công trình giao thông chuyển tiếp: 165 tỷ đồng

Trong năm 2015, tiếp tục thi công các công trình đang thi công dở dang như:

- Đường Thủ Thừa – Bình Thành – Hòa Khánh giai đoạn I (bao gồm phần còn lại đoạn Thủ Thừa – N2 với giá trị xây lắp: 130 tỷ đồng).
- Công trình Mở rộng Quốc lộ 14 đoạn Cây Chanh – Cầu 38, gói thầu số 7 từ Km896 – Km904 qua Tỉnh Bình Phước: triển khai thảm bê tông nhựa toàn bộ mặt đường và hoàn thiện bàn giao với giá trị xây lắp: 35 tỷ đồng.

14.2.1.1.1.2 Các công trình giao thông mới sản lượng dự kiến trong năm 2015 là 751 tỷ đồng, trong đó:

Nhà thầu thi công:

- Dự án BT Quốc lộ 20 – Lâm Đồng, năm 2015 thi công xây lắp đường giao thông với giá trị: 70 tỷ đồng.
- Dự án Cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận tham gia thi công xây lắp với giá trị: 60 tỷ đồng.
- Dự án Đường Thủ Thừa – Bình Thành – Hoà Khánh (đoạn N2 – Bình Thành – Hòa Khánh) với giá trị xây lắp: 150 tỷ đồng.
- Đường cao tốc Bến Lức – Long Thành: 200 tỷ đồng.

Nhà đầu tư các dự án:

- Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 62 Tỉnh Long An: 200 tỷ đồng.

Các dự án nguồn vốn ODA:

- Dự án Nâng cấp hạ tầng TP. Cần Thơ: 151 tỷ đồng.

14.2.1.1.2. Dự án Bất động sản (dự án đất sạch):

Năm 2015 Công ty sẽ tập trung thi công hoàn chỉnh các dự án dở dang để bàn giao thu hồi vốn với giá trị sản lượng, vốn đầu tư dự kiến thực hiện năm 2015 là 269 tỷ đồng:

- Đầu tư hạ tầng Khu dân cư Vĩnh Phú II – Mở rộng (2,2 ha): 29,8 tỷ đồng.
- Hoàn chỉnh hạ tầng Khu dân cư Vĩnh Phú II (41,07 ha): 108,6 tỷ đồng.
- Khu dân cư Trung tâm Thị trấn Bến Lức I (27,82 ha): 58,4 tỷ đồng.
- Đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng, kết thúc Dự án Long Hội City trong năm 2015 với giá trị dự kiến khoảng: 12,2 tỷ đồng.
- Đầu tư hoàn chỉnh thiết kế quy hoạch, xây dựng hoàn chỉnh phần móng, một phần khối lượng phần thân Cao ốc PPI Tower (0,25 ha) với giá trị dự kiến: 60 tỷ đồng.

Tổng hợp giá trị sản lượng xây lắp và vốn đầu tư dự kiến trong năm 2015 là: 1.185 tỷ đồng, gấp 3,86 lần sản lượng xây lắp và vốn đầu tư thực hiện năm 2014.

14.2.1.2. Doanh thu dự kiến năm 2015: 1.006 tỷ đồng.

- Hạ tầng giao thông: 883 tỷ đồng.

- Dự án Bất động sản: 123 tỷ đồng.

14.2.1.3. Lợi nhuận trước thuế dự kiến năm 2015 là: 113 tỷ đồng.

14.2.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016:

14.2.2.1. Kế hoạch sản lượng xây lắp và vốn đầu tư năm 2016:

14.2.2.1.1. Các công trình hạ tầng giao thông năm 2016: sản lượng 1.194 tỷ đồng cụ thể như sau:

Nhà thầu thi công:

- Tiếp tục thi công hết phần khối lượng còn lại của dự án BT Quốc lộ 20 – Lâm Đồng với giá trị: 130 tỷ đồng.
- Dự án cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận, tiếp tục triển khai thi công xây lắp với giá trị: 60 tỷ đồng.
- Đường Thủ Thừa – Bình Thành – Hòa Khánh (đoạn N2 – Bình Thành – Hòa Khánh) năm 2016 thi công xây lắp với giá trị: 80 tỷ đồng.
- Tiếp tục thi công xây lắp đường cao tốc Bến Lức – Long Thành với giá trị: 100 tỷ đồng.

Nhà đầu tư các dự án:

- Thi công xây lắp phần khối lượng còn lại Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 62 Tỉnh Long An: 400 tỷ đồng.

Các dự án nguồn vốn ODA:

- Tiếp tục đầu tư xây dựng Dự án Nâng cấp hạ tầng TP. Cần Thơ: 324 tỷ đồng.

Các dự án dự kiến đầu tư, đấu thầu:

- Năm 2016, Công ty tham gia thi công xây lắp với giá trị dự kiến khoảng 100 tỷ đồng.

14.2.2.1.2. Dự án Bất động sản (dự án đất sạch):

Tập trung đầu tư thi công dứt điểm toàn bộ khối lượng còn lại để kết thúc dự án đất sạch được phê duyệt dự án xây dựng Cao ốc PPI Tower với quy mô: diện tích đất xây dựng là 1.210,25m², số tầng cao là 15 tầng. Thi công xây lắp hết phần thân, hoàn thiện toàn bộ dự án với giá dự kiến thực hiện năm 2016 là 104 tỷ đồng.

Tổng hợp giá trị xây dựng và vốn đầu tư dự kiến trong năm 2016 là: 1.298 tỷ đồng.

14.2.2.2. Doanh thu dự kiến năm 2016: 1.172 tỷ đồng.

Hạ tầng giao thông: 1.085 tỷ đồng.

Dự án bất động sản: 87 tỷ đồng.

14.2.2.3. Lợi nhuận trước thuế dự kiến năm 2016 là: 137 tỷ đồng.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

- Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty cổ phần chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) đã tiến hành thu thập các thông tin; nghiên cứu, phân tích và đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương. Căn cứ trên năng lực hiện tại và triển vọng phát triển trong tương lai, nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong những năm tới là phù hợp và khả thi, kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông của Công ty trong năm 2015, 2016 có thể được đảm bảo thực hiện.
- Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Trong Quý IV/2015.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành (thông tin về Trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất ...):

- Cam kết đưa cổ phiếu phát hành hoàn thành đợt này vào giao dịch trên thị trường chứng khoán có tổ chức (Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh) trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán:

- Không có.

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN:

1. Các văn bản pháp lý liên quan đến đợt chào bán

- Luật doanh nghiệp số 60/2007/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29/11/2007.
- Luật chứng khoán số 70/2008/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29/6/2007. Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH 11 ngày 24/11/2010.
- Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ.2014 được ĐHĐCĐ Công ty PPI thông qua ngày 22 tháng 12 năm 2014.

2. Loại cổ phiếu:

- Cổ phiếu phổ thông.

3. Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành chào bán cho cổ đông hiện hữu:

- 20.039.242 cổ phiếu.

4. Tỷ lệ phân bổ quyền:

- Tỷ lệ phân bổ quyền cho cổ đông là: 10:08, cổ đông sở hữu 10 cổ phần được quyền mua 08 cổ phần phát hành thêm.
- Xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn số: Số cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) phát sinh sẽ bị huỷ bỏ.

5. Tổng số tiền tối thiểu dự kiến thu được:

- 200.392.420.000 đồng.

6. Đối tượng chào bán:

- Cổ đông hiện hữu tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền.

7. Mệnh giá:

- 10.000 đồng.

8. Giá chào bán dự kiến:

- Giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phần.

9. Phương pháp tính giá:

- Giá cổ phiếu PPI tại cuối ngày 04/03/2015 là 13.200 đồng/cổ phần nên Công ty xác định giá chào bán cho cổ cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phần là hợp lý.

10. Phát hành cổ phiếu tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu năm 2014 cho cổ đông hiện hữu với số lượng:

- 2.504.905 cổ phiếu.

11. Tỷ lệ phân bổ quyền

- Tỷ lệ phân bổ quyền cho cổ đông là: 10:1, cổ đông hiện hữu tại ngày chốt danh sách sở hữu 10 cổ phần được nhận 1 cổ phần phát hành thêm. Người sở hữu quyền nhận cổ phiếu không được phép chuyển nhượng quyền nhận cổ phiếu thưởng.
- Xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn số: Số cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) phát sinh sẽ bị huỷ bỏ.

12. Phát hành cổ phiếu tăng vốn cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu (cổ phiếu thưởng) với số lượng:

- 2.504.905 cổ phiếu.

13. Tỷ lệ phân bổ quyền:

- Tỷ lệ phân bổ quyền cho cổ đông là: 10:1, cổ đông hiện hữu tại ngày chốt danh sách sở hữu 10 cổ phần được nhận 1 cổ phần phát hành thêm. Người sở hữu quyền nhận cổ phiếu không được phép chuyển nhượng quyền nhận cổ phiếu thưởng.
- Xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn số: Số cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) phát sinh sẽ bị huỷ bỏ.

14. Phương thức phân phối:

- Bước 1: Thông báo quyền mua và quyền được chia cổ phiếu tạm ứng cổ tức và cổ phiếu thưởng.

Sau khi chốt danh sách cổ đông phân bổ quyền mua, quyền được chia cổ phiếu tạm ứng cổ tức và quyền được chia cổ phiếu thưởng, Công ty hoặc các thành viên lưu ký sẽ thông báo đến các cổ đông về việc thời gian phát hành, thời gian nộp tiền mua cổ phần.

- Bước 2: Thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu và thanh toán tiền mua cổ phần.

Các cổ đông trên danh sách sở hữu cuối cùng thực hiện đăng ký quyền mua cổ phần theo tỉ lệ quy định.

Khi đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông sẽ nộp tiền mua cổ phần theo mức giá quy định trong thời hạn đăng ký mua cho phép.

Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông được mua cổ phần có quyền từ chối quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho người khác và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (không được chuyển nhượng cho bên thứ ba) theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng.

- Bước 3: Kết thúc thực hiện quyền.

Kết thúc thời hạn đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần, Công ty sẽ tập hợp danh sách cổ đông đã mua cổ phần để lập phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có).

Toàn bộ số tiền bán cổ phần được chuyển vào tài khoản phong tỏa.

Bước 4: Phân phối chứng khoán.

Công ty sẽ thực hiện việc phân phối chứng khoán theo đúng quy định của pháp luật.

15. Thời gian phân phối cổ phiếu:

Cổ phiếu sẽ được phân phối chào bán cho các cổ đông hiện hữu trong vòng 90 ngày kể từ ngày Công ty có Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Thời gian dự kiến bắt đầu thực hiện trong Quý III/2015.

Lịch trình chào bán cổ phiếu phát hành và phân phối cổ phiếu thưởng:

Stt	Công việc	Thời gian
1	UBCKNN cấp Giấy phép phát hành	D
2	Làm việc với SGDCK và TT Lưu ký CK để triển khai công tác chào bán cổ phiếu	D+1
3	Công bố thông tin về việc chào bán trên bản tin TTCK	(D+5) đến (D+7)
4	Ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông	D+14
5	TT Lưu ký gửi danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu cho các Thành viên Lưu ký	D+22
6	Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	(D+23) đến (D+58)
7	<i>Phân phối cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.</i>	<i>(D+23) đến (D+40)</i>
8	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu phát hành thêm	(D+23) đến (D+65)
9	Các Thành viên Lưu ký nộp tiền và danh sách người đăng ký mua CP cho TT Lưu ký	(D+66) đến (D+69)
10	TT Lưu ký gửi thông báo và chuyển tiền cho Công ty	(D+70) đến (D+73)
11	Thực hiện bán số cổ phiếu của cổ đông không mua hết và cổ phiếu được làm tròn cho các đối tượng khác theo danh sách đã được HĐQT phê duyệt.	(D+74) đến (D+85)

Stt	Công việc	Thời gian
12	Báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN	D+86

(Ghi chú: Thời gian trên chỉ tính theo ngày bình thường)

- Lưu ý: Nếu quá thời hạn nộp tiền mua cổ phần mà cổ đông đó không thực hiện quyền mua của mình thì sẽ bị mất quyền mua cổ phần mới mà không nhận được bất cứ sự đền bù nào của Công ty.

16. Đăng ký mua cổ phiếu:

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt.
- Địa điểm nhận Hồ sơ đăng ký mua cổ phiếu:
 - Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán: đăng ký và nộp tiền mua tại các Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản.
 - Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán và các cá nhân, tổ chức khác: đăng ký và nộp tiền mua tại trụ sở chính của PPI:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG (PPI) Số 31/21 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Tp.HCM – Điện thoại: (84.8) 37 269 701 – Fax: (84.8) 37 269 872.

17. Phương thức thực hiện quyền:

- Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:08 (tại ngày chốt danh sách thực hiện việc phát hành thêm cổ phiếu, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được mua 08 cổ phiếu phát hành thêm).
- Người sở hữu quyền mua cổ phiếu có thể chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho bên thứ ba).
- Giá chuyển nhượng, thanh toán tiền chuyển nhượng do các bên tự thỏa thuận.

Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu không chào bán hết:

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Cổ phiếu chào bán sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- Đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống đến hàng đơn vị và cổ phiếu không bán hết, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định đối tượng chào bán với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

18. Phương án xử lý khi không thu đủ số tiền như dự kiến:

- Công ty dự kiến sử dụng tiền theo kế hoạch sau:
 - (1) Đầu tư máy móc thiết bị: 12 tỷ đồng.

- (2) Dự án Đường cao tốc Bến Lức – Long Thành: 80 tỷ đồng.
 - (3) Dự án PPI Tower: 20 tỷ đồng.
 - (4) Dự án Đường Thủ Thừa Bình Thành Hòa Khánh (đoạn N2 – Bình Thành Hòa Khánh): 30 tỷ đồng.
 - (5) Dự án BT Quốc lộ 20 – Lâm Đồng: 20 tỷ đồng.
 - (6) Dự án BOT nâng cấp cải tạo Quốc lộ 62 – Long An: 38,39 tỷ đồng.
- Trong trường hợp không huy động đủ số tiền (200.392.420.000 đồng), Công ty sẽ phân bổ số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành cho các dự án theo thứ tự ưu tiên như sau:
 - (1) Đầu tư máy móc thiết bị.
 - (2) Dự án Đường Cao Tốc Bến Lức – Long Thành.
 - (3) Dự án PPI Tower.
 - (4) Dự án BT Đường Thủ Thừa - Bình Thành - Hòa Khánh
 - (5) Dự án Quốc lộ 20 – Lâm Đồng.
 - (6) Dự án BOT nâng cấp cải tạo Quốc lộ 62 – Long An.
 - Phần thiếu hụt còn lại Công ty sẽ chủ động tìm kiếm nguồn tài trợ khác, nguồn vốn vay tín dụng để đảm bảo đủ nguồn vốn.
 - Trong trường hợp không tìm được nguồn tài trợ nào khác, Công ty sẽ không triển khai các dự án còn lại.

19. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Điều lệ Công ty không quy định giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người nước ngoài.

Sau khi niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 04 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên Thị trường chứng khoán Việt Nam thì tổ chức, cá nhân nước ngoài mua bán trên SGDCK được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 31/12/2014, Công ty có 14 cổ đông nước ngoài sở hữu 81.874 cổ phần, chiếm 0,33% vốn điều lệ của Công ty.

20. Các hạn chế liên quan đến đợt phát hành:

Cổ phiếu chào bán lần này được tự do chuyển nhượng.

21. Các loại thuế có liên quan:

- PPI hiện tại thực hiện nghĩa vụ chính với Nhà nước thông qua các loại thuế:

- Thuế giá trị gia tăng được Quốc hội thông qua ngày 03/06/2008: Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.
- Luật thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03/06/2008: Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
- Luật thuế thu nhập cá nhân ngày 21/11/2007 và các loại thuế khác: Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:

- Tên tài khoản: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG**
- Số tài khoản: 212.10000166951 tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ - Hà Nội.

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN:

1. Mục đích chào bán:

Đợt phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu nhằm bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình hạ tầng giao thông đã ký kết đồng thời tham gia các công trình hạ tầng giao thông mới, hoàn thiện một số dự án bất động sản để đẩy nhanh tiến độ bán hàng thu hồi vốn đầu tư và nâng cao năng lực hoạt động của Công ty.

Mục đích chào bán là sử dụng tiền thu được từ việc phát hành cho các dự án được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHCD.2014 ngày 22/12/2014 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/NQ-HDQT ngày 31/3/2015, cụ thể như sau:

Công trình	Tiền độ sử dụng tiền
Đầu tư máy móc thiết bị	Số tiền: 12 tỷ đồng Thời gian: 2015
Dự án Đường cao tốc Bến Lức - Long Thành	Số tiền: 80 tỷ đồng Thời gian: 2015
Dự án Cao ốc PPI Tower	Số tiền: 20 tỷ đồng Thời gian: 2015
Dự án BT đường Thủ Thừa - Bình Thành - Hòa Khánh	Số tiền: 30 tỷ đồng Thời gian: 2015
Dự án Quốc lộ 20 - Lâm Đồng	Số tiền: 20 tỷ đồng Thời gian: 2015
Dự án BOT nâng cấp cải tạo Quốc lộ 62 - Long An	Số tiền: 38,39 tỷ đồng Thời gian: 2015

2. Phương án khả thi:

2.1. Đầu tư máy móc thiết bị.

Hiện nay công ty là nhà thầu thi công các dự án hạ tầng giao thông lớn trong phạm vi trong cả nước, vì vậy phải nâng cao năng lực thi công bằng việc đầu tư các xe máy thiết bị phục vụ thi công, nhằm chủ động trong việc thi công các dự án, đảm bảo tiến độ yêu cầu của chủ đầu tư. Đồng thời, việc đầu tư thiết bị cũng đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Danh mục các xe máy thiết bị công ty sẽ đầu tư trong thời gian tới là:

TT	Xe máy thiết bị	ĐV	Số lượng	Giá trị đầu tư	Ghi chú
1	Trạm trộn BTNN 120T/h	Trạm	01	5.500.000.000	
2	Máy san bánh lốp	Cái	01	480.000.000	
3	Máy đào bánh xích	Cái	01	820.000.000	
4	Máy đào bánh lốp	Cái	01	1.100.000.000	

TT	Xe máy thiết bị	ĐV	Số lượng	Giá trị đầu tư	Ghi chú
5	Lu bánh thép	Cái	03	1.350.000.000	
6	Lu rung	Cái	03	2.400.000.000	
7	Máy ủi D3	Cái	01	550.000.000	
8	Xe tải ben	Cái	02	2.100.000.000	
9	Máy xúc lật	Cái	01	250.000.000	
	Tổng cộng			14.550.000.000	

Tổng giá trị đầu tư dự kiến là 14.550.000.000 đồng, phương sử dụng vốn từ đợt phát hành lần này để đầu tư xe máy thiết bị là 12 tỷ đồng.

2.2. Dự án đường Cao tốc Bến Lức - Long Thành.

- Tên dự án: Dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức – Long Thành.
- Chủ đầu tư: Bộ Giao thông vận tải – Đại diện cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Quản lý dự án: Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC).
- Nhà thầu chính: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex.
- Quy mô gói thầu A1: tổng chiều dài đường cao tốc 7,3km. Điểm đầu tại km0+600 (tại nút giao cao tốc Tp. HCM – Trung Lương). Điểm cuối tại km7+900 (Xã Tân Quý Tây – Bình Chánh). Tổng mức đầu tư: 1.495,047 tỷ đồng.
- Phương án đề xuất: Công ty PPI làm nhà thầu tham gia thi công một phần khối lượng đường thuộc gói thầu A1 (km0+600 – km7+900) với giá trị xây dựng khoảng 360 tỷ đồng theo hợp đồng kinh tế số 19/HĐ/EC-HT ngày 08/04/2015 giữa Công ty cổ phần Đầu Tư Xây Dựng và kỹ thuật Vinaconex và Công ty CP Đầu Tư và Phát triển Dự án hạ tầng Thái Bình Dương.
- Tổng nhu cầu vốn dự án cần sử dụng là 80 tỷ đồng (tương ứng với 22% giá trị xây lắp 360 tỷ đồng). Nguồn vốn này công ty sử dụng để triển khai công trình, sau khi công trình thi công đạt điểm dừng kỹ thuật sẽ tiến hành làm hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư quay vòng vốn thi công hoàn thành công trình.
- Hiệu quả kinh tế: Lợi nhuận dự kiến thu được của công trình là khoảng 32,7 tỷ đồng (tương ứng 10% tổng doanh thu 327 tỷ đồng).
- Tiến độ thi công: thời gian thi công 33 tháng (từ năm 2015 – năm 2018).
- Phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành này cho dự án là 80 tỷ đồng, nguồn vốn này công ty dự kiến để triển khai thi công trình. Sau đó công trình thi công đạt điểm dừng kỹ thuật, công

ty sẽ tiến hành làm hồ sơ nghiệm thu thanh toán để tiếp tục có vốn thi công hoàn thành công trình.

- Hiệu quả kinh tế nêu trên của công trình là do Công ty PPI dự kiến trên cơ sở hợp đồng thi công đã ký và phương án thi công của công ty.

2.3. Dự án PPI Tower

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng Thái Bình Dương.
- Địa điểm: đường Phạm Văn Đồng, khu phố 9, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Tp. HCM.
- Quy mô dự án: Dự án đã được Sở Xây dựng Tp. HCM phê duyệt dự án đầu tư (giấy phép xây dựng) tại quyết định số 118/QĐ-SXD-PTN ngày 12/8/2009 và UBND Tp. HCM giao đất tại quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 21/1/2010 với các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc như sau:
 - Diện tích khu đất: 2.400,6m² (đất sạch 100%, công ty đã hoàn thành việc giải phóng mặt bằng).
 - Tổng diện tích sàn xây dựng là: 20.289,9m².
 - Số tầng cao là: 15 tầng.
 - Mật độ xây dựng: 50%.
 - Hệ số sử dụng đất: 7,5 lần
- Về hiệu quả đầu tư của dự án:
 - Tổng mức đầu tư: 237 tỷ đồng.
 - Tổng doanh thu: 282 tỷ đồng.
 - Lợi nhuận gộp: 37 tỷ đồng.
 - Lợi nhuận sau thuế: 29 tỷ đồng.
 - NPV: 25,84 tỷ đồng và IRR: 47%.
- Phương án kinh doanh và hiệu quả của dự án nêu trên do Công ty PPI lập và tự phê duyệt.
- Phương án sử dụng vốn phát hành đợt này cho dự án là 20 tỷ đồng để nộp tiền sử dụng đất của dự án để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng của dự án, sau đó phần vốn còn lại doanh nghiệp tiếp tục triển khai đầu tư thực hiện dự án cùng với phương án kinh doanh, huy động vốn từ khách hàng quay vòng vốn, hoàn thành dự án, đây là dự án được đánh giá có hiệu quả cao.
- Hiệu quả kinh tế nêu trên của công trình là do Công ty PPI dự kiến trên cơ sở hợp đồng thi công đã ký và phương án thi công của công ty.

2.4. Dự án BT Đường Thủ Thừa – Bình Thành – Hòa Khánh.

- Tên dự án: dự án Đường Thủ Thừa – Bình Thành - Hòa Khánh.
- Cấp thẩm quyền phê duyệt dự án: Ủy ban nhân dân Tỉnh Long An tại Quyết định 2514/UBND-CN ngày 19/07/2012.
- Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải Long An.
- Đại diện chủ đầu tư: Ban quản lý dự án công trình giao thông.
- Quy mô đầu tư xây dựng: chiều dài toàn tuyến 42,6km, đường cấp III đồng bằng, tải trọng thiết kế trục xe 10 tấn, cầu BTCT dự ứng lực, tải trọng HL93. Tổng mức đầu tư dự kiến: 1.249 tỷ đồng.
- Nguồn vốn thanh toán của dự án: gồm vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ngân sách Tỉnh và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.
- Công ty PPI được UBND tỉnh Long An giao làm Nhà đầu tư theo hình thức BT. Hiện nay công ty PPI đã thực hiện xong giai đoạn I với chiều dài 12,6km, tổng giá trị đầu tư hiện tại là 407 tỷ đồng và đang tiếp tục đầu tư giai đoạn II của dự án, tiến độ dự kiến năm 2015 - 2018.
- Hiệu quả kinh tế: lợi nhuận dự kiến thu được là 130 tỷ đồng (tương ứng 10% giá trị đầu tư của dự án).
- Tiến độ thi công: dự kiến thời gian thi công toàn dự án từ năm 2013 – 2018.
- Phương án sử dụng vốn phát hành cho dự án: nguồn vốn yêu cầu sử dụng cho dự án là 30 tỷ đồng để thi công công trình.
- Hiệu quả kinh tế nêu trên của công trình là do Công ty PPI dự kiến trên cơ sở hợp đồng thi công đã ký và phương án thi công của công ty

2.5. Dự án khôi phục cải tạo Quốc lộ 20 – Lâm Đồng

- Tên dự án: đầu tư xây dựng công trình khôi phục, cải tạo Quốc lộ 20 đoạn Km123+105,17 – Km268, tỉnh Lâm Đồng theo hình thức Hợp đồng BOT kết hợp BT được Bộ kế hoạch và đầu tư cấp giấy chứng nhận đầu tư số 88/BKHĐT-GCNDTTN ngày 07/11/2014 cho Liên danh nhà đầu tư Tổng công ty 319 – Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Yên Khánh – Công ty CP phát triển đầu tư Thái Sơn Bộ Q.P, tổng mức của dự án là: 4.107,607 tỷ đồng. Trong đó Công ty TNHH BOT và BT Quốc lộ 20 là doanh nghiệp quản lý dự án.
- Công ty PPI đã ký hợp đồng nguyên tắc với Công ty TNHH BOT và BT Quốc lộ 20 tham gia thi công Gói thầu XL2.3: Km181+434 – Km189+884 với giá trị 200 tỷ đồng.
- Tiến độ thi công: dự kiến thời gian thi công 24 tháng (từ năm 2015 – 2016).
- Hiệu quả kinh tế: lợi nhuận dự kiến thu được là 18,18 tỷ đồng (tương ứng 10% tổng doanh thu 181,8 tỷ đồng).

- Phương án sử dụng vốn phát hành cho dự án: nhu cầu vốn ban đầu của dự án là 20 tỷ đồng để thi công, sau khi thi công đạt điểm dừng kỹ thuật, công ty sẽ tiến hành nghiệm thu thanh toán với Nhà đầu tư để có vốn tiếp tục quay vòng vốn thi công hoàn thành công trình.
- Hiệu quả kinh tế nêu trên của công trình là do Công ty PPI dự kiến trên cơ sở hợp đồng thi công đã ký và phương án thi công của công ty.

2.6. Dự án BOT nâng cấp cải tạo Quốc lộ 62 – Long An

- Tên dự án: dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 62 Tỉnh Long An.
- Chủ đầu tư: Bộ Giao thông vận tải – Đại diện cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Quy mô đầu tư xây dựng: dự án Quốc lộ 62 là tuyến đường chạy hoàn toàn trong Tỉnh Long An, từ Tp. Tân An đến Huyện Thạnh Hóa, chiều dài tuyến 42,4km. Đầu tư theo quy mô đường cấp 3 đồng bằng theo TCVN 4054:2005. Điểm đầu ngã ba tại km0+000 thuộc Phường 02, Tp. Tân An giao với Quốc lộ 1A cũ tại Km1947+900. Điểm cuối tại ngã ba Km42+400 điểm tách Quốc lộ 62 và tuyến N2, Huyện Tân Thạnh, Tỉnh Long An. Tổng mức đầu tư: 1.435,92 tỷ đồng.
- Công ty PPI là thành viên Liên danh Nhà đầu tư PPI – Cienco 5 do PPI đứng đầu liên danh, PPI tham gia với tỷ lệ là 51% tương ứng giá trị khoảng 732 tỷ đồng.
- Hiệu quả đầu tư: lợi nhuận dự kiến thu được là 73 tỷ đồng (tương đương 10% giá trị tham gia đầu tư).
- Tiến độ thực hiện: từ năm 2015 - 2017. Hiện tại Liên danh PPI – Cienco 5 đang hoàn thiện hồ sơ đề xuất và phê duyệt dự án, báo cáo đầu kỳ tháng 6/2015, từ nay đến cuối năm 2015 hoàn thành báo cáo cuối kỳ, Bộ GTVT ra quyết định chấp thuận đầu tư, Liên danh sẽ khởi công vào cuối năm 2015.
- Phương án sử dụng vốn phát hành cho dự án: PPI tham gia liên danh làm nhà đầu tư và thi công với tỷ lệ tham gia trong Liên danh là 51% (732 tỷ đồng) do đó yêu cầu vốn đối ứng là 110 tỷ đồng (tương đương 15% giá trị tham gia đầu tư của PPI). Phương án sử dụng nguồn vốn phát hành đợt này cho dự án BOT nâng cấp, cải tạo QL62 là 38,39 tỷ đồng cộng với nguồn vốn của doanh nghiệp nhằm đảm bảo vốn đối ứng yêu cầu để tham gia làm Nhà đầu tư dự án.
- Hiệu quả kinh tế nêu trên của công trình là do Công ty PPI dự kiến trên cơ sở hợp đồng thi công đã ký và phương án thi công của công ty.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN:

1. Phương án sử dụng vốn từ phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu:

Theo dự kiến, đợt phát hành này nếu chào bán được được hết số lượng cổ phiếu phát hành với giá là 10.000 đồng/cổ phần thì số tiền sẽ thu được là 200.392.420.000 đồng. Do vậy kế hoạch sử dụng vốn từ đợt phát hành cho các dự án sẽ được phân bổ dựa vào số tiền 200.392.420.000 đồng, chi tiết như sau:

Bổ sung vốn lưu động để sử dụng cho các công trình hạ tầng giao thông và dự án bất động sản, cụ thể:

Công trình	Tiến độ sử dụng tiền
Đầu tư máy móc thiết bị	Số tiền: 12 tỷ đồng. Thời gian: năm 2015.
Đường cao tốc Bến Lức – Long Thành	Số tiền: 80 tỷ đồng. Thời gian: năm 2015.
Dự án Cao ốc PPI Tower	Số tiền: 20 tỷ đồng. Thời gian: năm 2015.
Đường Thủ Thừa – Bình Thành – Hòa Khánh	Số tiền: 30 tỷ đồng Thời gian: năm 2015
Dự án BT Quốc lộ 20 – Lâm Đồng	Số tiền: 20 tỷ đồng. Thời gian: năm 2015.
Dự án BOT nâng cấp cải tạo Quốc lộ 62 – Long An	Số tiền: 38,39 tỷ đồng. Thời gian: năm 2015.

2. Phương án xử lý trường hợp không huy động đủ số tiền tối thiểu:

Trong trường hợp không huy động đủ số tiền tối thiểu (200.392.420.000 đồng):

Công ty sẽ phân bổ số tiền thực tế thu được cho các dự án theo thứ tự ưu tiên như sau:

- (1) Đầu tư máy móc thiết bị.
- (2) Dự án Đường Cao Tốc Bến Lức – Long Thành.
- (3) Dự án Cao ốc PPI Tower.
- (4) Dự án BT đường Thủ Thừa - Bình Thành - Hòa Khánh.

(5) Dự án Quốc lộ 20 – Lâm Đồng.

(6) Dự án BOT nâng cấp cải tạo Quốc lộ 62 – Long An.

Phần thiếu hụt còn lại Công ty sẽ chủ động tìm kiếm nguồn tài trợ khác, nguồn vốn vay tín dụng để đảm bảo đủ nguồn vốn.

Trong trường hợp không tìm được nguồn tài trợ nào khác, Công ty sẽ không triển khai các dự án còn lại.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN:

1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 31/21 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Tp.HCM.

Điện thoại: (84.8) 37 269 701

Fax: (84.8) 37 269 872

Website: www.ppigroup.com.vn

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI – CPA HÀ NỘI

Địa chỉ: 296 Phan Xích Long, Phường 02, Quận Phú Nhuận, TP. HCM.

Điện thoại: (848) 3517.1936

Fax: (848) 3517.1935.

Website: www.cpahanoi.com

3. TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (HSC)

Địa chỉ: Tòa nhà AB, Tầng 5&6, Số 76 Lê Lai, Quận 01, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 38233299

Fax: (08) 38233301

Website: www.hsc.com.vn

Email: info@hsc.com.vn

4. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH:

- Đối với đợt phát hành chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:

Với tư cách là Tổ chức tư vấn phát hành cho đợt chào bán cổ phần ra công chúng lần này của PPI, Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) nhận thấy rằng khả năng thành công của cuộc chào bán cần được xem xét, dựa trên mức giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phần (giá đóng của cổ phiếu PPI ngày 28/5/2015 là 8.800 đồng/cổ phiếu) thì mức giá chào bán hiện cao hơn mức giá giao dịch trên thị trường. Tuy nhiên, với tiềm năng phát triển các dự án của PPI, việc huy động vốn có khả năng hấp dẫn các nhà đầu tư cũng như các cổ đông hiện hữu. Việc huy động thành công sẽ góp phần mang lại nguồn vốn kịp thời cho Công ty đầu tư vào các dự án nhằm mang lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty.

- Đối với đợt phát hành cổ phiếu tạm ứng cổ tức và cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu:

Việc phát hành cổ phiếu tạm ứng cổ tức và cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu không ảnh hưởng nhiều đến lợi ích của cổ đông hiện hữu. Việc phát hành này dễ dàng thực hiện

vì Công ty chỉ phân phối thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách.

IX. PHỤ LỤC:

1. Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng
2. Bản cáo bạch
3. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất
4. Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty
5. Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính kiểm toán, bao gồm:
 - Báo cáo tài chính 2013 (BCTC kiểm toán công ty PPI và BCTC kiểm toán hợp nhất)
 - Báo cáo tài chính 2014 (BCTC kiểm toán công ty PPI và BCTC kiểm toán hợp nhất)
 - Báo cáo tài chính quý 1/2015 (BCTC công ty PPI và BCTC hợp nhất)
6. Tài liệu pháp lý của các dự án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành
7. Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thông qua việc phát hành
8. Nghị quyết Hội đồng Quản trị triển khai việc phát hành và thông qua bộ hồ sơ phát hành

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 05 năm 2015

TM. Tổ chức phát hành

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc



PHẠM ĐỨC TẤN

Trưởng Ban Kiểm Soát

HÀ HỮU KHƯƠNG

Kế Toán Trưởng

TÔ THỊ THÚY HÀ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 05 năm 2015

TM. Tổ chức Tư vấn

Tổng Giám Đốc



A red circular stamp with the text "S.G. B.I.B.A. C.T.C.P." around the perimeter and "CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH" in the center. A handwritten signature in blue ink is written over the stamp.

JOHAN NYVENE